

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG (PHẦN 2)

THIÊN KIẾT GIỚI GIẢI THÍCH

Kiết nghĩa là bạch hai hạn chứng, tức giới pháp năng giúp, nghĩa là chia cách kia đây, tức là chỗ bị thêm. Số chép: Giới là làm yết-ma, xứng chế hạn là thị, lại Minh Liễu Luận số giải thích bốn Âm Tứ-ma, ở đây dịch là “biệt trụ”, nghĩa là tác ở đây, không chung với các chỗ ở khác nhau, đều không dữ dục cho nên được gọi tên. Phương cũng gọi là Pháp, liên miên là lời, tức bốn môn sau cho người đời sau nương theo mà làm, đều gọi là phương pháp. Nhưng chữ giới trong tựa đề, hoặc trông lúc mới kiết dường như thông tự nhiên nay y cứ kiết thành tức là tác pháp. Tác pháp có ba: Tăng, y và thực (ăn), nay chánh là nói tăng còn hai thứ kia như sau. Tăng lại có ba loại: đại, tiểu và giới tràng. Đại và tiểu mỗi thứ đều có ba, thì thành bảy loại, như vậy mà biết.

Ý bày khoa đầu, đầu tiên là suy bốn nhân chế pháp. Người bình pháp rõ chỗ làm lập giới, nhưng luật nhờ duyên khởi, tuy nhân bố-tát đến luận ý chế thật chung là việc chúng. Số chép: “Kiết giới gốc là chúng đồng, lý phải thông hòa, các pháp khác là ngọn chúng đồng và do ở sau mà khởi”. Ở đây biết trừ kiết giới ra tất cả yết-ma đều y pháp địa.

Kế là khoa giải thích, hai câu trên là phát ý chế ở sau. Ban đầu bày yết-ma, Tăng dùng hòa làm nghĩa. Hòa chỉ ở tâm, chẳng có lời thì không hiển bày, cho nên cần tiếng dạy biểu lộ tình tăng. Người và pháp đồng như sữa và nước chẳng khác, cho nên nói là cương yếu. Thọ giới, nói giới, can ngăn, trị phạt Tăng cương đã nêu. Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài, công cứu giúp cũng do Yết-ma, nếu y cứ gìn giữ thật thông ba thời. Nay nói rằng: “Tượng vận” là nói chung sau khi diệt độ. Ở đây là chỉ yết-ma, hai câu trên nêu Tam Bảo để bày đức, hai câu dưới y cứ thể để hiển bày công đức. “Lý nghi” trở xuống là kể rõ hòa đồng, do pháp đã cao siêu, người đều quyết vâng theo. Mười phương là lại y cứ Diêm-

phù, hứa là khiến.

Trong phần duyên phát khởi chia làm hai, hai câu đầu là nói về cảnh động. Diêm-phù, Diêm-phù, Chiêm-bộ đều là âm chuyển. Phương chí giải thích là chỗ ở của Luân Vương (do bốn vị Luân vương đều ở đây cho nên Kim luân thống lãnh cả bốn, Ngân Luân trừ phương Bắc, Đồng Luân trừ Tây và Bắc, Thiếc Luân trừ Đông, Tây, Bắc). Lại Ca-đề, gia phổ Đức Thích-ca chép rằng “Dịch là Châu”, có thể ở trong nước gọi là châu, nay ở trong biển lớn phía Nam núi Tu-di, cho nên càng lớn. Hoàn là rộng.

Bộ Câu-xá chép: Ba bên đều rộng hai ngàn Du-thiện-na (một du-thiện-na là mười sáu dặm, ba mặt đều ba muôn hai ngàn dặm). Bên Nam rộng ba du-thiện-na rưỡi (là năm mươi sáu dặm bao quanh cộng thành chín muôn sáu ngàn năm mươi sáu dặm, chín mươi sáu ngàn năm mươi sáu dặm) tượng mặt người (Tăng Huy nói: “Ở đây hằng năm trời bốn chí mà thôi”, theo bản đồ trụ pháp thì ba bên đều hai mươi tám dặm, đến phía Nam hẹp dần chung quanh có thể có trăm muôn dặm).

Chữ “mỗi” trở xuống là bày duyên chế, có hai: Ở trên nói chúng pháp khó thành, dưới rõ tự làm có tổn. Chữ “yếu” bình thình nên gọi là y cứ. Kiền-độ thuyết giới chép: “Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật cho các Tỳ-kheo đến thành La-duyet nói giới, người ở các nơi nghe đến nhóm rất mật, Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy” từ nay trở đi cho ở chỗ nào kiết giới chỗ ấy.

Trong lập giáo, hai câu đầu nói về khai cho. “Đốn cực” là gồm hai duyên trên, tác pháp chia ngăn bày pháp kết. Đồng giới tôn sùng rõ chế ước, đồng vâng theo yết-ma riêng chúng không thành, công thành tức tự nghiệp không phế bỏ, sự xong nghĩa là các pháp dễ thành, đây là hiển bày lợi ích. Câu dưới là tổng kết, lại dịch là giải thích ở trên. Cuộc kết là ngược thông tập ở trước, tác pháp ngược với tự nhiên ở trước, đồng giới là trái với mười phương ở trên. Công thành sự xong là trái với hai tổn ở trên. Nêu lệ bốn chương, hai chương trước rõ khi kết duyên pháp hai chương sau giải thích đúng sai của kết rồi.

Trong nêu chọn, nhiếp y, nhiếp thực, sở dĩ nêu là vì thuộc về đồng giới. Chỉ bốn thiên ấy là đều theo loại kia, chú yết-ma chép: “y giới ấy là nhiếp y để thuộc về người, khiến không có lỗi lia đê. Thực giới là nhiếp thực để ngăn tăng khiến không tội ngủ và nếm. Tăng giới là nhiếp người do đồng chỗ, khiến không có tội riêng chúng. Ba phần tướng đây tôn chỉ rất rõ.

Trong tự nhiên, ban đầu nói gồm chung tự nhiên tức một tập

Diêm-phù ở trên, không tức lan-nhã, có tức xóm làng. Thủy tức thủy giới, lục tức đạo hành đều nhiếp hết bốn món xứ tướng, trước chưa chia nên chung làm một tập. Chữ “hậu” trở xuống là rõ sáu tướng tự nhiên, tức mới khai. Ba câu đầu bày duyên khai, tùy cảnh tức bốn chỗ ở trên, phần hạn tức giới lượng. Chữ “Nhân” trở xuống là giải thích tên, không nhờ tạo tác cho nên nói rằng nhậm vận. Nói giới khởi chỉ là tùy thân đến chỗ nào liền có giới hạn, chẳng phải gọi là có pháp sinh khởi. Chữ “y cứ” trở xuống là chỉ lượng để biết.

Trong tác pháp chia làm hai: Ban đầu bày tự nhiên, hai câu trên nêu chung. Chữ “thiết” trở xuống là giải thích riêng, có hai: bốn câu đầu là nói lần thiết có ngại. Văn giáo định ấy là phần chừng sáu tướng. Dụng không thể là giới hạn không tương xứng với xứ. Cho nên bỏ chẳng chế là không nương sáu tướng. Giáo không khai cho nên, v.v... trở xuống hai câu là nói yết-ma không cao siêu, pháp đã tôn đặt thường địa đầu thực hành, như trì mật chú hỷ kết đàn tràng, Yết-ma chú thuật loại kia rất đồng. Chữ “cố” trở xuống là kể nói về giới tác pháp, đầu tiên hiển bày khai kết, đây là khai thứ hai, khai rồi lại khai cho nên nói rằng “khúc thuận”. Định khuôn mẫu cách thức là chế trong khai. Chữ “nhậm” trở xuống là nói về lợi ích. Câu trên trái với hoạn đầu ở trước, bốn câu dưới là ngược với hoạn kể ở trên.

Hỏi: Đến đây có bao nhiêu lần khai?

Đáp: Đầu tiên nói gồm chung tức bốn chế (trong Luật dạy kết nhà thuyết giới, vẫn là gồm chung một giới tức đồng bốn chế). Kế chia sáu tướng tức lần khai thứ nhất. Lại khiến cuộc hạn kết tức khai lần thứ hai. Lại trong tác pháp có hai lần khai, thường nhóm thì kết giới tràng, có việc nạn cho kết tiểu giới. Như pháp ăn có hai: hai món đồng pháp và đồng ăn có đại giới riêng, cũng là lần khai, nhưng đâu chẳng phải đại giới cho nên không bàn. Về trước, trải qua bốn lần khai, trong văn rõ ràng xưa nhiều giải sai, cho nên phải giải thích.

Hỏi: Sáu tướng của giới tự nhiên có khai bình yết-ma chăng?

Đáp: Ở đây không nói rõ, dùng nghĩa định đó. Nếu y cứ tám năm rồi cho yết-ma thọ cụ túc, mười hai năm sau khiến đệ tử nói rộng, do đây ban đầu lập kết giới, thì nghiệm biết chưa kết đã làm yết-ma, nên chỉ nhà thuyết giới cũng ở tự nhiên, Địa Bộ chỗ chấp tự nhiên địa có thể được thành thọ giới, cũng là do đây.

Hỏi: Như vậy đâu thể nói là địa nhược không thắng?

Đáp: Do ở tự nhiên không cao quý cho nên kết, hoặc có thể y cứ khai rồi mà nói.

Sớ chép: một khi khai rồi, về sau hễ có tác nghiệp thì phi giới, không thành cho nên chế, tôn trọng hòa ích ở đây. Trước khai sau chế, nếu không như vậy thì sáu tướng tự nhiên khai, nào dùng há có thể một bề làm đối niệm ư? Lại, luật Tăng-kỳ nói bảy hàng cây, chúng khác ở hai đầu, há chỉ là kiết giới?

Hỏi: Thời nay có kiết nhà thuyết giới là sao?

Đáp: Đây là mê giáo. Cách kiết nhà thuyết giới là do chưa khai kết riêng, thông một tự nhiên, tăng nhóm khó có tiêu chuẩn, cho nên khiến chỉ chỗ, cuộc hạn vừa làm nhà thuyết giới liền bỏ, hướng chi cách của nhà thuyết giới chỉ là nêu chỉ, đến luận tăng nhóm lại nương giới tự nhiên, toàn trái kiết giới đâu được vọng làm. Lại có người lầm dẫn ban đầu chế yết-ma đại giới là nhà thuyết giới, lại càng lầm hơn. Nhưng đời mạt pháp ngày nay người biết pháp rất ít, trong trăm ngàn không được mười người, nếu khiến đều nhóm hết, việc sẽ không thành, nên muốn kiết riêng một chỗ để bàn hành pháp có thể y cứ của vi luân, cần thêm yết-ma đại giới, nếu y cứ cứ nói tự tứ bốn chế nhóm chung, Nhưng Luật nói bố-tát trên giới tràng có tăng, mắc tội, được thành, tuy trái ý chế mà lại thành pháp. Hướng chi bọn người ngu không nhóm, việc đồng nạn duyên, phán tội so nghĩa, tình chẳng có lỗi lầm.

Trong đại giới chép: “Hai món Pháp, thực đồng nhau” là y cứ chú yết-ma, nên nói rằng: “Nhân, pháp”. Kia chép: “Giới có ba loại: 1- Nhân pháp đồng (đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới). 2- Pháp thực đồng. 3- Pháp đồng, thực riêng (hai loại này như sau). Truyền lầm chép, lý do không riêng (xưa chép: “Tăng chỗ thường làm thân món thứ nhất. Pháp và thực cả hai đồng là gồm hai loại phi sau. Sau hai pháp xuống là văn tự bày).

Trong chỉ bày số dậm, đầu tiên dẫn luật Tứ Phần trong văn thuyết giới. Đồng nói giới ấy, nghĩa là pháp đồng giới. Không thọ dục, là ban đêm dục không thành. Gượng trăm dậm là ước định lộ trình một ngày, vì chưa thể chỉ rõ cho nên nói là gượng. Đây thì là, v.v....trở xuống là hội qui về gốc. Kế trong Mẫu Luận, kia gọi là “trụ pháp tương ứng”, cho nên nói rằng “một ngày qua lại”, y cứ đây vẫn hẹp hơn Tứ Phần (Xưa giải đồng luật một ngày đến một ngày về là sai). Chữ “duy” trở xuống là song kết, trên nói rằng trăm dậm chính là nghĩa tiêu chuẩn.

Trong rõ do-tuần, ban đầu dẫn bốn bộ lượng đồng. Như luật Ngũ Phần nói “Lúc bảy giờ, có kết mà không biên giới, Phật chế xa nhất chừng ba do-tuần”. Hợp góc ấy là phương góc lượng đồng. Kế dẫn Trí Luận nêu do-tuần khác nhau, ban đầu nêu ba phẩm. Chữ “thủ” trở

xuống là giải thích lý do tường bằng thì kéo cho dài ra, hiểm trở thì xếp cho gấp lại. Số chép: “Do-tuần chính là tên số lượng trong tiếng Phạm”, chính là Du-thiện-na, Hán không có chánh dịch, chính là trạm dừng chân của Luân vương lúc đi săn, vẫn như chữ đình xưa, đâu cuộc hạn phần lớn số dặm mà nói là bốn mươi dặm, tương truyền là đình (ở đây khác với luận câu-xá).

Luật Tứ Phần y pháp, v.v... trở xuống, luật ấy nói các người họ Thích hay đi săn xa trong một do-tuần, hoặc trong bảy mươi dặm, hoặc ba mươi dặm, Do-tuần đã nêu trên bảy mươi dặm, cho nên nói rằng tiêu chuẩn có đồng. Chữ “thử” trở xuống là chuẩn luận, quyết luật.

Trong phần phán định, câu đầu gồm hội các bộ, câu kế riêng khảo xét bốn tông và như trên dẫn. Chữ “ưng” trở xuống là định số dặm. Chữ “dĩ” trở xuống là lấy do tuần, bốn bộ và tông khác đồng quy về một mối. Trong giới Ni, ban đầu rõ lượng đường thường. Một câu-lô ấy y cứ đạo hành ở trước Luận Tát-bà-đa, câu lô định là hai dặm, Ni Sao Chú chép: “Nghĩa chuẩn năm dặm”, chữ “ngũ” lẽ ra là lăm, theo Tạp Bảo Tạng thì năm dặm, cho nên Số chép: “Do sợ xa nguy hiểm dễ bị lãng nhục”. Chữ “tất” trở xuống là thứ hai, nói về nạn khai lượng, đồng với Đại tăng. Kia do các nạn vua, nạn giặc, v.v... cho nên khai nở rộng kết tùy ý. Chữ “sớ” nhập thỉnh.

Chúng khởi, tức là Tăng sự Yết-ma. Trong bốn ngôi vị tăng lược nêu đầu và sau, hai ngôi vị giữa phần lớn là đồng. Chữ “thiện” trở xuống là bày lượng, do hai mươi vị tăng chung làm tất cả các pháp, lại gồm chỗ làm, cho nên chứa đủ hai mươi một người, giản thì không khắp cho nên không chấp nhận. Ở đây y cứ một chúng mà nói, quyết gồm hai chúng, phải chứa đủ bốn mươi một người.

Hỏi: Đại giới lập lượng đồng khác thế nào?

Đáp: Đại giới thì chế rộng, hẹp thì không câu nệ. Giới tràng chế hẹp, rộng thì không có lý. Cho nên là đại giới càng rộng, không khỏi nhọc rong ruổi, giới tràng càng hẹp hành pháp không càng đủ chỗ, cho nên trong Bảo Đàn Kinh con quạ nương bay rộng hơn hai trăm bộ.

Số chép: “Trong luật trên đàn tìm nhau không thấy”, cho nên có thể biết.

Ba tiểu giới, khoa đầu là trình bày bốn duyên. Việc nạn là tâm không đồng. Số bỏ là bày quyền ý. Chữ “tịnh” trở xuống là định lượng. Trong nêu bày có ba, ban đầu trong thọ giới ở trước nêu ra giải xưa kết giới tràng, pháp cũng gọi là Tiểu giới, cho nên được y theo đó. Kia tính vấn nạn, an lập đều cần trong giới, riêng một món này phải lập tướng

ngoài. Chữ “kim” trở xuống là thẳng bày chánh nghĩa, chỉ ra bác bỏ như ở sau, văn nghĩa đều thấy ở khoa kế. Sau bày nói tự tứ ngôi thẳng vòng tròn, đây cũng theo xưa một phen chia đó, nghĩa quyết không khấp.

Trong giải thích không ngoài, câu đầu bày trước. Chữ “do” trở xuống là chánh giải thích, ban đầu bày nghĩa. Chữ “cố” trở xuống là dẫn văn, tức duyên yết-ma tiểu giới thuyết giới. Chữ “nhược” trở xuống là lại y cứ chế giải để bày không lập. Sở chép: “Không nên chẳng phải mà đi” rõ không tương ngoài, khởi quyết mê phương. Chữ “bất” trở xuống là nói lên trước phải lập, nương ngôi vị giải ấy tức là ba pháp giới. Trong đại giới nêu, trước kiết giới tràng, đây nói nên ở trong pháp có giới tràng. Lúc ấy có người chấp kiến chấp xưa, cho nên dự điểm đó.

Trong nêu duyên thành, một là khoa lựa chọn, nghĩa là xứng lượng. Thứ hai tức bày bốn ý, nếu y cứ xứng tương nên cần ở sau, nay trông về nêu dọc cho nên kế phải nêu. Thứ ba là nhiếp năm duyên năng bình, nghĩa gồm nương giới, ở đây thì ba khoa bao gồm tám duyên. Hai phần hỏi đáp thấy trong chánh thêm. Ban đầu hỏi thôn, tức chỉ nhà thế tục. Ở Tây trúc, tăng phưởng phần nhiều có nhà thế tục ở, xứ này (Trung Hoa) hoặc cho ở tạm, hoặc lại giới rộng, e nghi ngờ nên hỏi. Trong phần đáp, ban đầu dẫn luật Ngũ Phần, đã thỉnh bố-tát phải kiết giới trước, văn đây chính là toàn nhà ở của thế tục, loại hiển tăng giới có thôn không ngại. Kế dẫn Bà luận để nói về văn, kết chung xóm làng tức thôn, tên chung đại tiểu, nay lấy chỗ ở của nam nữ, sau đến một nhà liền gọi là xóm làng. Sau dẫn luật Tứ Phần liền nhiếp văn y. Sở chép: “Tứ Phần văn rõ trừ thôn, ngoài thôn, biết rõ nhiếp tăng không lựa thôn (có dẫn văn pháp và thực hành hai món đồng là sai, kia rõ giới tương). Thôn thủ ấy Tăng Bốn viết là thủ thôn, hoặc cho là viết lầm, nên viết là “Tu”.

Kế, là trong phần hỏi, luật tuy rõ theo lý, chẳng phải hoàn toàn rảnh, cho nên giải quyết. Trong phần đáp, dẫn luật là kia vì Tỳ-kheo bị kiết giới cách con sông ngày rằm muốn đến thuyết giới mà chẳng thể qua sông được, cho nên Phật chế. Trừ có thuyền, cầu là ở đây khai rõ. Cầu, việc một vật mà có lớn nhỏ, nếu ngựa xe qua được, đây nói về chế, Sử là qua mau. Chữ “tát” trở xuống là y cứ lý quyết thông, lời lược chữ ghe. Tuy là chạy mau nhưng khiến có thể qua được, không ngại việc đến nhóm, cho nên xếp vào lý được.

Sau dẫn luật Ni chuyển chứng, không cầu được kiết không nghi, tức giới một mình qua sông ở trong tăng tàn. Luật ấy chép: “Chỉ khiến vén y qua nước, cho đến trong giới cũng phạm”, cho nên nói là thông.

Thứ ba là hỏi “e hai giới sát nhau”, lại vì muốn trình bày nêu lượng. Trong phần đáp, ban đầu theo xưa định lượng, kể là y luận bày thông. Đầu tiên rõ đại giới, núi tức một nêu, đông tây dùng chung tức là hai tướng. Lại sau nói về tiểu giới, hai giây như hai, như hai tướng gần chùa. Hễ muốn kiết giới mà gần tăng làm nạn, cho nên khai pháp này. Trước ở bốn xứ tùy chỗ đặt tướng, dùng giây bao quanh, dẫn giây ra xa, chỉ khiến tăng ở ngoài tự nhiên (không hẳn là lan-nhã, chẳng đồng ba tiểu giới) đến kia trước đặt tướng, rồi lại dùng giây vòng, tăng nhóm ở trong, theo giây xương tướng, hai chỗ giây bao quanh nên nói là hai giây. Ở giữa một giây, hai bên phải trái tức là hai tướng, y cứ ở sau chánh quyết. Tướng lớn, dựa núi, có thể chia y cứ theo giây. Trước nói rằng “một khuỷu” tuy không rõ phá, nhưng y cứ theo văn Luận rất bày cuộc hạn kia.

Sớ chép: “Cách nhau một khuỷu tay” không có chánh văn. Y cứ đồng hai giây được chia, liền bỏ ở đây. Thứ tư trong lời hỏi “vật có nhiều khác nhau”, cần định rõ trong ngoài. Trong phần đáp, ban đầu rõ vật tròn thông trong ngoài. Trước rõ trong, như bên cửa thẳng qua các trụ không nhọc theo bên ngoài. Xưa chép: “Cây sống xuyên chính giữa cho lớn lên”, cho nên thấy xuyên trụ là ngược bên chề cười. Vả lại trong lời hỏi, hỏi chung đá cây, cây có thể nói rằng “sống”, đá đâu có lớn, quyết có đá tròn xỏ giữa được chăng? Trong văn chỉ nói rằng “Khiến giới tướng ngay thẳng”, xin xét kỹ chớ làm thô lỗ.

Chữ “hoặc” trở xuống là nói bên ngoài, chữ “nhược” trở xuống là kể nói nhọn hay tà lấy ngoài. Phương ấy dễ hiểu, trong văn không nói lại. Một phần, hoặc góc hoặc trụ, cần chia trong, ngoài, đông, tây, và chỉ phần chừng. Chữ “dư” trở xuống là chỉ nêu, chữ “ưng” trở xuống là răn nhắc, xét đều chẳng phải chỉ xương, lý cần nên thông giới biệt. Chữ “bất” trở xuống là ngăn lạm. Ngày nay hành sự ẩn chép giới tướng, khiến người khác nay tụng hiểu không xét hạn. Tăng đồng trụ đâu biết chỗ kia, luống nhọc, loạn nhau, pháp định không thành. Sau nói rằng kiết giới đúng như pháp là thiếu, lời này không đối.

Thứ năm, trong lời hỏi nêu, v.v... ba tướng gồm chung kiết giới, một việc mê, các duyên luống lập, cho nên phải bày rõ. Trong lời đáp, trước bày ba món, nêu lên tức vật. Tức khoa kế dẫn luật Tứ Phần, Thiện Kiến, v.v... Tướng tức là nêu. Bờ là hai tướng trong ngoài đều nương bờ kia. Nêu thể nó ấy, là nó vuông tròn, cong, thẳng. Chữ “tức” sắp xuống là hình giới. Sớ chép: “Tiêu tức chỗ nương của xương, tướng là chỗ bày của yết-ma, thể tức là chỗ nương để tác pháp” văn đây càng rõ. Chữ

“hoặc” trở xuống là trình bày ly hợp, hai câu đầu chọn nêu thể, tiêu tức thể là y cứ xương ngoài, tiêu khác thể là y cứ xương trong. Kế một câu là chọn thể tướng, một bề không khác. Chữ “lâm” trở xuống là răn nhắc sớm giải thích.

Thứ sáu, là hỏi luật không nói đoán, đời có lạm làm cho nên ở đây giải thích. Trong lời đáp, ban đầu lấy nghĩa quyết, văn xuất xứ từ trong thuyết giới, đã chế gán nhau nghiệm không khai trọng. Kia nói rằng: “Lúc ấy, các Tỳ-kheo làm hai giới liền nhau, Phật nối nhau, Phật nói: “không nên như vậy, phải làm cờ nêu”. Hai giới kia cùng tướng lâm hợp, Phật nói “không nên như vậy, phải để khoảng trung gian”, nay Sao hợp đó. Chữ “nhược” trở xuống là dẫn ví dụ giải quyết, tức trong được pháp khai văn tịnh địa. Luật ấy chép: “Các Tỳ-kheo không biết chỗ nào là tịnh địa, bạch Phật, Phật dạy: “Nếu nghi trước có kết tịnh địa thì nên giải, sau đó mới kiết”, như thiên sau dẫn đủ. Chữ “cố” trở xuống là kết chung hai văn. Người xưa có làm hành sự, có răn nhắc rằng “Hễ muốn kiết giới, sợ đời xưa có kiết, thì phải trước giải”. Đời sau truyền nhau, gọi là giải ngăn nghi. Bất luận hư không, có nước đất, có kiết hay không, đều trước nên giải. Thói xấu lừa đời hơn ba trăm năm, dẫu có bậc anh hùng thông minh giáng sinh cũng không hề có một phen ngộ, hướng chi chấp mê luận xưa. Ở nay còn vậy, có văn y cứ đây cho nên phải lược giải thích, thẳng dẫn rõ y cứ, còn bao nhiêu rộng như bộ khác.

Nay nói nghi lược có hai môn: 1- Nghi trước kiết như phi. 2- Nghi giới hạn của tướng nêu. Trong ban đầu, như thiên thọ giới nói rằng: “Chỗ nương của yết-ma quyết là nương pháp giới, nếu tác pháp không thành, pháp sau không thành tựu, cho nên phải nói rõ giới tướng, khéo hiểu suốt đúng sai. Hỏi thăm trước ai kiết, xét biết không lạm mới có thể nương theo, không như vậy thì giải rồi kiết lại. Giới Đàn Kinh chép: “Đến như kiết giới giữ gìn phải có tướng đúng sai, hoặc nghi hoặc lầm xả rồi lại thêm, đâu chẳng rất kính trọng dè dặt”. Lại sau nói rằng: “Trước kiết đại giới sau kiết giới tràng”, không thành pháp sau cho nên phải giải thích.

Lại Ngũ Bách Vấn chép: “ở trong thọ giới sợ không chỗ giữ gìn”. Lại trong thọ giới dẫn Tăng-già-bạt-ma sợ giới không đúng như pháp, ngồi thuyền ra giữa sông.

Thứ hai là nghi tướng nêu: Sau nói rằng “kiết rồi thì phải treo bảng khiến sau chủ khách đều biết, không có lạm, nghi. Lại nói rằng: “Tỳ-kheo làm yết-ma chết, người khác không biết chỗ giới, Phật dạy: “xả rồi kiết lại”. “Lại sau dẫn trị cho nên già-lam không mất tịnh địa,

nếu nghi thì nên xả rồi kết lại. Cho nên biết giới ở, v.v... xin khảo xét các văn đủ làm rõ y cứ, đâu phải là trước không kết, chỗ gương tự sinh nghi. Vả lại, yết-ma chỗ thêm duyên như thì pháp thành tựu, sự cần khảo xét thật, đâu được làm bừa, lỗi lầm thật nhiều chưa thể bày hết, quyết vâng thánh giáo, đâu dùng tranh cãi càn rỡ. Kế rõ nêu dọc, trong bốn tông có hai: Ban đầu nêu tướng, lại nêu tám món, nay cần rõ dẫn dắt, muốn biết chỗ xứ. Ban đầu chế đại giới, pháp chép: “Phải xứong tướng phương, nếu không xứ (như văn tức lan nhã) hoặc dưới cây, hoặc núi, hoặc hang, hoặc gộp hang, hoặc đất trống (như văn không có chỗ che) hoặc cỏ rậm (như văn nói rậm rạp) hoặc bờ vườn, hoặc giữa gò mả, hoặc khe nước, hoặc gộp đá, hoặc gốc cây, hoặc bên gai góc, hoặc vũng nước (như văn) hoặc mương lạch, hoặc ao, hoặc đồng phân (như văn) hoặc thôn, hoặc giới thôn (cộng có mười chín, văn dẫn năm tướng).

Trong pháp chế lại, núi tạm như văn (Luật chép: “Như phương Đông, các phương khác cũng vậy) hoặc thôn, hoặc thành, hoặc bờ ranh (nghĩa là hạn chừng bờ ranh giới) hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, hoặc cây, hoặc tường, hoặc miếu thân (gồm mười hai món, văn dẫn hai món trước).

Trong giới tràng chép: “Hoặc đặt cọc (như văn) hoặc đá, hoặc bờ ranh (ba tướng dẫn một) ba chỗ đã nêu ra hoặc có đồng khác, đối chiếu sẽ thấy.

Từ chữ “Chuẩn” trở xuống là thứ hai bình lượng. Ban đầu hai câu chỉ khắp. Chữ “hà” trở xuống là nêu y. Trong văn lược nêu chỗ trống, hoặc theo Sơ chép: “Như chỗ trống, chỗ vắng, cỏ rậm, đỉnh cọc, đều chẳng phải lâu bền, không nên nương theo (vũng nước, đồng phân, gai góc cũng vậy). Chữ “tất” trở xuống là đến việc dùng nhà, ban đầu nêu chung, chữ “hoặc” trở xuống là bày riêng, ban đầu rõ tạm dùng. Không nghĩa là chỉ cho hư không làm tướng. Ngại nghĩa là dùng vật làm tướng, do vật cách nhau, chỗ trống có thể phân biệt, cho nên nói rằng “hai phân”. Chữ “tất” trở xuống là rõ lâu bền, y theo bộ khác là sinh sau Thiện Kiến, tám loại bộ khác đều có phần lượng, ở văn dễ hiểu. Nạn ấy, là lược giải thích. Man, đá hai thứ, y cứ theo luận, chữ man là từ nước, nghĩa là không có trụ góc. Tám tác trong bốn ấy là y cứ lượng quá nhỏ, sợ có tổn gãy, chỉ có thể tạm dùng, quyết làm bền lâu thì phải chọn lớn. (tờ 205)

Thứ ba, bốn, năm, thôn là chỗ có người qua lại, hẳn không hoang phế. Luận nói rằng: “Cùng đường là không được” (tột cuối con đường).

Thứ sáu, bốn thág là trong ba thời nêu một, lâu không khô cạn, tướng không mất, cho nên Luận lại chép: “Nước sâu hai thước được làm”.

Trong phần thứ bảy, nhóm đất thành gò gọi đó là núi đất.

Thứ tám, nước tự nhiên là chẳng phải tạo tác. Luận chép: “Nếu dẫn nước vào ruộng, hoặc đầy không được. Chữ “chuẩn” trở xuống là hội thông, chữ trưng là chứng. Thành hào, v.v... như trên đã nêu. Núi, đá, khe, mương, rừng cây, tường vách là vật bền lâu, Luật chỉ nêu chung không nói phần chừng, phải luận chứng đó. Nhưng trong luận, đường sông, ao nước cũng khó y cứ, cây nhọn, gò đất đâu là vật lâu bền. Nếu nay hành sự chưa thể nương hoàn toàn.

Trong treo bảng, nếu y cứ văn này nên ở sau kiết, muốn rõ tiêu tướng là chỗ nương của giới, truyền cáo đến sau, phải giữ cho lâu bền, cho nên đối với tướng sau chuẩn bị mà nêu. Không nghi lạm, là quyết không bằng tướng dễ sinh nghi lạm. Chỗ kiết sinh nghi, văn y cứ càng rõ, giới hình văn lược chỉ rộng như bộ khác. Nay phải dẫn luận bày danh tướng kia.

Luật Thiện Kiến nói có năm món: 1- vuông. 2- tròn. 3- Hình trống. 4- Hình bán nguyệt. 5- Hình tam giác.

Luận Minh Liễu có mười bảy; đều gọi là biệt trụ (tức giới, tên giới): 1- Dài tròn (địa thế hẹp dài, hai đầu đều tròn). 2- Bốn góc (hình vuông). 3- Sóng nước (tướng nêu cong gẫy như sóng nước). 4- Một núi. 5- Một vách núi (tùy hình thế núi hay vách lấy đó làm tên bờ ranh giới). 6- Hình bán nguyệt (nửa mặt trăng). 7- Tự tánh (tức chỗ lan-nhã, (tùy phần chừng của đất). 8- Vây tròn (giữa riêng kiết nhiều giới, ngoài có đại giới vây quanh như núi Thiết vi vây quanh bốn thiên hạ). 9- Một cửa (sợ nhiều giới đồng một cửa). 10- Phương độ (tùy cảnh giới của nước, ấp). 11- Tứ sương (bốn bên đều có nhà, ở giữa đất trống). 12- Hai sợi dây (như trước). 13- Tỳ-kheo-ni. 14- Ưu-bà-tắc. 15- Tường vách. 16- Tròn (đất ấy tròn đầy). 17- Điền cuồng. Trong đây: năm thứ một, hai, ba, sáu, mười sáu, là y cứ địa hình. Chín thứ bốn, năm, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười lăm, là y cứ chỗ kia. Ba thứ mười ba, mười bốn, mười bảy, là y cứ người riêng ở bất luận hình tướng.

Hỏi: Hình và tướng của giới đồng khác thế nào?

Đáp: Nếu đối văn trước ba món nêu, thế, tướng, môn đây khoa trên liền là nêu kia. Kế rõ hình giới tức đồng tướng trước, tìm đó có thể biết, xứng tướng lia lổ.

Trong bày lý do, ban đầu nêu không có hai chỗ, thời chỗ làm

nhiều. Chữ “tiên” trở xuống là răn nhắc cần biết trước không cho làm ẩu, giả mạo.

Trong xướng ngoài, ban đầu nêu nguồn lỗi. Chữ “như” trở xuống nêu ra tướng lạ, chia làm ba: Đầu tiên là bày pháp xướng kia. Chữ “hướng nam” trở xuống là thứ hai, tìm lỗi lạ. Đây y cứ của chùa ngay giữa tường vách, cho nên có lỗi hai xướng trong ngoài, như sau trong bản đồ đã nêu, quyết như cửa chùa bằng tường trong ngoài cũng không lỗi này, tùy chỗ rõ đó, không hẳn đều như vậy. “Cố tri” trở xuống là ba giáo đúng như pháp, tùy cong xướng kiết, sau khi hành pháp không có lỗi riêng chúng, thì không hối hận. “Diệc” trở xuống là ngăn lạ, nhưng khi hành sự nếu tường rào do cong rất xa, cần lập tướng nêu từ chỗ A đến chỗ B, nếu phần chừa rõ ràng ít có quanh co, e thành phiền lụy.

Lược chép: “Tùy chỗ cong gãy cũng không có lỗi, nhưng khiến người xướng và Tăng đồng pháp hay biết chỗ kia”. Gần đây có người chấp thước tắc, đưa vào trong tướng quá thành vụn vặt, không cần phải như vậy.

Trong xướng trong, ban đầu nêu ra xướng kia. Chữ “tiện” trở xuống là tìm lỗi. Ban đầu gồm nêu, chữ “như” trở xuống là giải thích riêng làm ba: một, là giải thích riêng chúng, do dữ dục ra ngoài giới mất pháp thành riêng chúng. Chữ “nhược” trở xuống thứ hai giải thích phá hạ. Nướng giới ấy, đối không giới nướng già-lam thì không có lỗi này. Chữ “ngôn” trở xuống là thứ ba giải thích lìa y. Dùng giới tự nhiên hộ y cũng không có lỗi này, cho nên y cứ tác pháp y giới mà rõ.

Chữ “cố” trở xuống là kết bày. Trong lan-nhã, thời nay lập tướng nêu vật xa nhau, giữa không nướng tựa, xa chỉ, thăm xướng, rất phù hợp với trách móc. Tự gánh nghĩa là gánh tội, tức phi pháp, tội đột-cát-la, trái giáo tuy tội khinh mà kết nghiệp càng nặng, tức như sau nói rằng: “Tự lui sụt và khiến người lui sụt”.

Trong dẫn giáo bác bỏ, Liễu Luận chép: sóng nước một trượng năm thước, nghĩa là tiêu đá cách nhau, chẳng gọi là cao, thấp, dài, ngắn. Chữ “tịnh” trở xuống là chánh bác bỏ. Đầu tiên nêu chung hại tổn. Chữ “thoát” trở xuống là nêu riêng thọ giới, giải thích thành. Trong tổn rất nhiều cho nên hai câu trên là giải thích làm người khác lui sụt. “Tự” trở xuống hai câu là tự mình lui sụt. “Cố” trở xuống là dẫn chứng khiến tin, tội khuyên giữ tâm.

Trong người xướng, luật dạy là người cự trụ, một bề lại y cứ người rành rẽ chọn phương hướng, y theo Nghiệp Sở chép: “Luật chế

người có khả năng xướng tướng đầu cuộc hạn chủ khách” đây là luận chung, vốn có thể nương theo. Chữ “vị” trở xuống là bày người xướng, phương tiện xướng (cách xướng), cốt yếu ở chính thân thấy, không chỉ là văn tụng.

Trong định đầu tiên, trước bày pháp. Đông nam là trước tiên. Và lại y cứ môn phương này phần nhiều là hướng Nam, còn các hướng khác tùy chỗ sửa đổi, không nên nhất định. Nếu y cứ luận chung thì bất luận phương góc, nhưng theo cửa chùa phía góc trái phát đầu có thể làm tiêu chuẩn nhất định. Tương đương là đầu đuôi lại hợp. “Luật” trở xuống là ngăn lạm, sợ chấp văn luật mà ngại hành sự, cho nên dùng khởi phương thì bốn góc không phân, khởi góc thì phương góc đều bày. Lại phương mặt thông nạn khởi vì không chỗ theo.

Trong xướng chỗ trống, cần phải khởi lập ấy là khiến chúng thấy nghe. Không xưng tên ấy, do yết-ma nên xướng e lạm làm riêng, cho nên y cứ theo Nghiệp Sở chép: “Cũng có nêu tên, nghĩa cũng thông được, đầu chẳng thành tăng”, cho nên biết không cuộc hạn.

Trong tướng bốn cây, nêu pháp, bày tướng, tùy vật, tùy sửa đổi, không cần có cây. Phi mậu, dụ như lâm lẫn. Trong pháp thành ấp, duyên trước nghĩa là lễ tăng, v.v... văn tướng y cứ trong bản đồ sau. Tướng lớn là pháp rất dễ thấy. Thời nay chép tướng lại theo lựa chọn cốt yếu tùy hướng cửa, hướng trước là đi ra, đến sau là vào, trái bỏ gọt là trên, phải bỏ gọt là dưới. Lại chỗ khởi góc thì nói rằng theo đây, còn chỗ khác thì không chấp. Tuy chẳng phải ý của Sao, đối sự dễ hiểu, nghĩa cần y cứ theo mà dùng.

Ba lần nói: Luật không có quy chế nhất định, Sở chuẩn thọ sám lời xin phải ba lần, do đều là duyên trước yết-ma đã nêu.

Khoa kế, là năm môn ba môn ấy, nay cũng theo để, đến ở mà đông xuyên hạn đầu, vào trong hạn xướng suốt đến chỗ này, lại xuyên hạn ra ở sự, xét phiền ở nghĩa không lỗi. Chương ngại xuyên tường cần xướng tên chùa có chỗ lựa riêng, hoặc tường chùa chẳng phải một lại thêm phương góc, tên riêng nêu khác.

Trong phần nhóm tăng, khoa đầu trước nêu ra chánh giải. Lại thứ hai, ban đầu rõ nêu hẹp giới rộng. Chữ “nhược” trở xuống, thứ hai là nói theo nghĩa giới hẹp. Chữ “Tăng” trở xuống là theo dẫn chứng, theo nêu không nghi ngờ. Tránh nạn, thứ tám kia chép: “Các Tỳ-kheo một trụ xứ, ngày tiền an cư, hậu an cư đã qua có nạn sự khởi, hoặc giặc, hoặc nạn vua, hoặc đoạt mạng, hoặc phá giới, hoặc nước nhiều côn trùng lọc không được sạch, muốn đến tinh xá khác lánh các nạn này cho nên

thỉnh kiết. Chữ “hữu” sắp xuống là bác bỏ phi, đầu tiên nêu ra chấp kia. Chữ “Tăng” trở xuống là kia do rõ văn là ngại cho nên giải thích rộng. Vì nạn duyên ấy, rõ chẳng phải thường có. Sở chướng ngại là chỗ nhiếp đã rộng, tình lại không đồng (xưa ghi đối rằng: “Cổ Sư cho là luật Tăng-kỳ nói nạn duyên là Tỳ-kheo” tội ác là sai). Chữ “chuẩn” trở xuống là chánh bác bỏ, nhưng bày không y cứ. Nói y cứ theo lý, Sở chép: “Tuy ở ngoài tự nhiên chẳng phải riêng chỗ thâu, nhưng trong văn tác pháp nêu chung bên trong, nghĩ thành hai đồng. Lúc xướng lúc kiết riêng chúng ở trong, Luật không chỗ khai, đâu được chẳng riêng.

Khoa kế, trong thôn giới, trong thôn không nhóm, là nói theo kiết rồi, đầu tiên kiết cần nhóm Ni giới, hai chúng tăng ni đều không đủ nhau, xen kiết không ngại. Trong tăng giới khiến không ra ngoài giới là tự nhiên không thuộc về pháp địa của người, cho nên xướng trong là giữa lưu lại tự nhiên. Chữ “như” trở xuống là nêu dự như ở trước đã giải thích.

Trong phần không thọ dục có ba nghĩa, đầu tiên y cứ kiết pháp đối yết-ma trước nói về chế hườn, gấp, có khai, không khai, Nghiệp Sở tiếp tục rằng “Các pháp khác là cuối của chúng đồng và nương sau khởi”. Hai giới yếu, là dục pháp vốn khai thành đồng giới chúng pháp yết-ma, địa đã không cao siêu, thì dục sẽ dùng vào đâu, nghĩa đây chỉ trừ kiết giới, còn các pháp khác tự rõ. Sở chép: “Tự nhiên vốn yếu, Tăng sự không làm (đây rõ chế chung các pháp khác, không giải thích chữ khai kiết giới).

Không khai: một, là kiết dùng thông tăng giới vì các việc không lập, ở đây bạch nhị chính là khai trước (trên rõ kiết giới chùa có pháp dục để hiển bày không khai. Dưới nói dục vốn ứng tăng cần ở pháp địa không thông tự nhiên). Dục là vị duyên, phải nương tăng khởi, giới là tác pháp mạnh cho nên nhiếp đó (xưa ghi lầm giải không thắng dục yết-ma cho nên nêu bày). Hai, là khiến biết giới, nghĩa này hơn hết, văn y cứ lại hiển bày. Người khác không biết, nếu y cứ đồng pháp lý nên đều biết, hoặc cho sau quên, hoặc là sau đến, Tỳ-kheo chưa lập bảng yết thì đến đối cả duyên đây (chỗ kiết khởi nghi văn đây càng rõ).

Trong gia pháp, khoa đầu chỉ đáp kiết đại giới ấy là pháp kiết có một không chọn lựa, cho nên không cần lại thêm lời bạch nhị.

Trong bạch yết-ma, trong Luật vốn không có chữ “tác”. Tùy Cơ yết-ma và bốn cũ chép sao đều không có nhất định là do người sau vọng thêm vào, dầu không hại lớn, nhưng duyên thành thêm lạm.

Trong giới có tràng, nói giới tràng là thọ theo các pháp phần nhiều

làm ở trong đó. Sơ chép: “Giống các sơn bãi ở đời, đâu chẳng là nhóm kết phẩm, thấu xả thắng lợi.

Trong rõ bản đồ, nêu là giới đàn, nghĩa là ở trong giới tràng riêng lại càng theo phong tục cõi nước, nếu y cứ vào khai ban đầu chưa hẳn là có giới đàn, cho nên trong luật y cứ chung theo gốc chỉ nói là “Tràng”.

Ba nêu trong ngoài tìm bản đồ có thể thấy. Trong bày ý, ban đầu nêu ý. Chữ “kim” trở xuống là bác bỏ thế gian, hai câu trên bác bỏ chung sự ngu tối, mờ mịt dụ cho không rõ. Chữ “hội” trở xuống là nêu ra tướng không rõ. Chữ “định” trở xuống là quyết phá. Chữ “tất” trở xuống là răn nhắc dè dặt, xét Phu Sở dạy rất rõ, người nào không học đến khi gặp việc lại chìm trong cái mê này, há chẳng phải thói luống dối chứa sâu, dấu thầy giỏi thuốc hay cũng đâu trị được.

Nay lược dẫn bày mong nên sửa đổi, nghĩa là người chủ pháp, một tháng trước tự nêu giới tướng, dạy người khác thâm xướng tụng mà chưa hề mắt thấy, kẻ đồng ở đều không hiểu biết mà bàn đối chứng chấp văn gọi là chứng tướng, khi lên bình bạch số chữ không sai lầm, so tai theo tiếng đâu biết phương đến, hướng chi phần chừng tự nhiên không hề thấy lượng, làm tướng nhóm tăng đâu nghĩ đáng biệt. Thừa bạch thì khéo léo, màu mè không khác đào kếp, bình kiết thì dẫn lộng âm thịnh giống như đào hát, chỉ nghĩ sáng sớm tàn đêm, chỗ ngồi cao thấp càng lo chủ mới thù lao nhiều ít, đối đời như thế, thị phi một sớm, lầm đại duyên kia tự chìm muôn kiếp. Kẻ hậu học có tâm hổ thẹn rất cần răn nhắc.

Trong bản đồ, tướng đồ chánh ý chia làm ba nêu, giúp xướng pháp dễ thấy.

Thứ hai, lại bày trước xướng pháp không có giới tràng.

Thứ ba, là nói về tướng xuyên tướng.

Thứ tư, là nói tự nhiên thể tròn.

Thứ năm, là tướng trông của giới tác pháp tự nhiên xa gần.

Thứ sáu, rõ theo cửa ra vào lìa lỗi.

Thứ bảy, hai tướng lớn nhỏ, giảng dây đóng cọc là nói lên một nêu hai tướng.

Thứ tám, lại nêu bày chung lớn nhỏ, không cần một khuỷu tay.

Thứ chín, rõ cách ở giữa, tuy vật có thể chia.

Thứ mười, rõ tướng lớn xướng ngoài, không lầm hợp nhau.

Lược bày mười ý, bao nhiêu còn lại tìm đó.

Trong chú, ban đầu nói về tự nhiên, là do khi kiết giới tràng lại càng nêu ra Đông nam riêng lấy bộ lượng. Trong bản đồ không thể gồm

nêu, nên đặc biệt là điểm đó.

Trong xa gần, trước rõ tự nhiên. Chữ “nhược” trở xuống là bày tác pháp. Trong giới khác điểm bày đồng khác, chỉ có thể chia xóm làng một bề là khác. Bốn món khác rộng hẹp tuy khác, chung quanh thì đồng.

Hỏi: Trước định tự nhiên riêng giảm nửa, chỉ y cứ không thể chia riêng xóm làng, còn năm thứ khác thì thế nào?

Đáp: Sơ chép: “Một đây đã vậy, bao nhiêu giới tự nhiên khác lớn nhỏ bèn khác, lệ có thông cuộc, đều y cứ một nửa (giới khác đã chia, cùng luận là không, đều một nửa là cuộc hạn), nhưng có thể chia xóm làng chỉ là một cuộc hạn không chung, do tăng ở ngoài đã chẳng đồng nhóm tự có giới riêng, còn bao nhiêu đều đồng chỗ, đều một nửa có thể biết.

Trong phần giải thích, tướng giới tự nhiên không cần quyết định phải tròn, là bày biết tướng riêng. Trong giới tràng có ba: 1/ Bày thể giới tràng. Chữ “trung” trở xuống là thứ hoa rõ giữa cánh giới tự nhiên, hai câu đầu nêu chung, chữ “đông” trở xuống là trước bày Đông bác. Nói bên dưới ấy, dưới tức mé tường, biên nghĩa là mặt đất. Kế là rõ Tây nam, đầu tiên bày nêu dọc. Nói rằng thước tám ấy là không hẳn. “Có thể biết sau Tây nam” trở xuống là nói kiết rồi thì tác pháp, nếu luật nói tự tứ tức cần thông nhóm ở giới tràng kia. Sau là thứ ba, bày tướng ngoài giới tràng. Trong tướng đại giới, đầu tiên bày tướng trong, đặc biệt bày Tây nam hợp nhau khiến biết tướng lỗi. Chữ “hựu” trở xuống là sợ tránh xen hợp mà xuyên tướng xuyên tâm, cho nên ở đây ngăn ngừa.

Trong kết bày, hai câu đầu là kiết trước, một duyên ấy là chỉ chung đồ tướng. Chữ “tác” trở xuống là bày bất định. Chữ “nhược” trở xuống là nói phải lập. Trong pháp kiết, đầu tiên là nói trước sau, do xưa truyền nhau “sai kiết giới tràng”, người vẫn chấp xưa cho nên quyết phải phá.

Trong dẫn y cứ, trước dẫn luật Ngũ phần, hai câu trên là bày chánh giáo. Chữ “nhược” trở xuống là rõ kiết đảo ngược. Trước kiết đại giới ấy là bày quên lầm. Phải xả là giải hai giới. Lại kiết trước là giới tràng, chữ “canh” đọc khứ thanh, trông lại trước, cũng có thể là bình thanh là sửa đảo lộn ở trước. “Sau đó” trở xuống là đại giới. “Tỳ-ni” trở xuống là lược chỉ hai luận, đồng cho nên không dẫn. Quyển thứ nhất, Mẫu luận chép: “Kiết pháp giới, trước kiết tiểu giới, sau kiết đại giới”. Lại nói rằng: “Nếu quên kiết tịnh địa, giải rồi thứ lớp kiết, v.v...” (tông kia đại giới khai chung tịnh địa, cho nên kiết riêng tiểu giới để làm tịnh

trù, mà thứ lớp kiết giải rất đồng với ở đây). Luật Thiện kiến tìm văn chưa được, sau trong giải giới trích dẫn trong “Năm trăm” văn cũng đồng ở đây.

Trong bác bỏ phi, tức Quang Sư yết-ma, sau chấp duyên khởi lập thứ lớp kiết. Cho nên Sơ chép: “Văn luận tuy có trước sau do duyên khởi, cho nên không liền do đây rõ cách thức kiết, lý như luật Ngũ Phần không thể nương người”. Lại, Đàn kinh chép: “Nếu trước kiết đại giới, sau kiết giới tràng, y cứ pháp nào chế để chia hai giới, tuy dự khai không gian (chỗ trống) cuối cùng là chỗ không pháp”. Trong Sao phá thẳng rằng “không đọc, v.v...”.

Hỏi: Trong quyết, trước tuy hơi bác bỏ, nhưng chưa định thành chẳng, vẫn còn sợ vọng chấp, phải càng bày rõ?

Đáp: Văn chia làm hai: 1- rõ kiết trước được thành. Văn đã dạy xả tức hiển kiết thành. Sở dĩ vậy là xướng kiết không trái. Chữ “đãn” trở xuống là thứ hai rõ pháp sau không thành. Cho nên vậy là trái pháp chế. Chữ “ngũ” trở xuống là dẫn chứng. Lại thứ hai, ban đầu rõ cố trái không thành. Chữ “hựu” trở xuống là rõ không biết nên chấp nhận thành. Nói không biết, nghĩa là người thừa kiết chưa xem giáo, cho nên ở sau vừa biết liền không thành pháp, nhưng là ngu giáo phải thêm hai tội, hoặc có thể sau người hành thọ không biết vốn kiết mất thứ lớp, y cứ tâm chấp nhận thành. Chữ “lại” trở xuống là bày ý uốn cong khai cho may mắn ấy, Sơ chép: “chẳng chia gặp phước”.

Trong chỉ bày phi, ban đầu nêu chung, chữ “hoặc” trở xuống là bày riêng. Kế nêu bốn món, ban đầu: trong giới không nhóm, nghĩa là trong phạm vi của giới tự nhiên có lỗi riêng chúng, tức nhiên là phi. Gồm xướng tức đến trong giới tràng xa kiết đại giới, gọi là sự phi. Thứ hai là: Nội giới tức đại giới, không nên xướng chung. Chữ “cập” trở xuống hai món đều là sự phi. Thứ ba, có thể biết. Trong thứ tư, không xướng nội tương, tức hai giới lầm hợp.

Chữ “thử” trở xuống hai món đều là tổng kết. Hai câu trên bày phi, chữ “cố” trở xuống nói là (đúng). Đương giới ấy, là đại giới, giới tràng riêng tự cuộc hạn. Trông kiết giới tràng, tương và yết-ma điều nói rằng “Tiểu giới” là đối ngoài, ở trong đại giới nên gọi là Tiểu. Chữ “dữ” trở xuống là tên ba tiểu giới đồng tương riêng.

Trong kiết rồi chỉ đem bốn năm người qua kiết đại giới ấy, một phen qua, vả lại bày hai chỗ giới riêng biệt không ngại nhau. Nếu y cứ không khai thuyết đục cốt yếu biết giới tương, lý cần biết đến hết. Kế, trong xướng tương kiết đại giới, xướng chung riêng ấy, biệt tức trong

ngoài xướng riêng, xướng chung nghĩa là theo một lược hợp xướng. Nếu người hành biệt xướng, trước ba lần xướng tướng trong rồi kết rằng “Đây là tướng trong của đại giới ba vòng đã rồi”, lại kế ba lần xướng tướng ngoài rồi kết rằng “Đây là tướng ngoài của đại giới ba vòng đã rồi”, rồi sau kiết chung rằng “Đây là tướng trong và ngoài của đại giới ba vòng đã rồi”, không cần đồng, sau nói rằng kia đây v.v... do là biết xướng không lạm nhau, cho nên văn tuy nêu ra pháp chung mà biệt xướng lại dễ, nay nên theo cách xướng riêng.

Trong chánh rõ, ban đầu gồm nêu. Chữ “tiền” trở xuống là biệt xướng, ban đầu xướng tướng trong. “Kế” trở xuống là thứ hai xướng tướng ngoài, đều có nêu xướng, kiết ba đoạn, lời tiêu kiết thông cần phải nêu xướng. Chữ “bỉ” trở xuống là song nêu tổng kết. Chữ “như” trở xuống là xướng rồi thông cáo.

Trong yết-ma, nêu duyên thêm giảm, rõ là thêm hai chữ trong và ngoài, mà nói đủ một chữ ấy là chưa rõ lý do. Có người nói rằng: “chữ ngoài nghĩa không vốn có thì chẳng phải thêm”. “Nếu cứ” trở xuống là chỉ bày không cần thêm, do thể đối với tướng đều là không ngoài.

Trong ba tiểu giới, nhóm tăng chia làm ba: 1- Nêu duyên bày khác, chữ “Như” trở xuống là thứ hai, chánh bày xa gần. Bày bàn đà ấy, như trong nhóm tăng, lan-nhã có nạn, chỉ kiết ba tiểu giới xin không nên nghi. Chữ “cố” trở xuống là hiểu đồng luật luận để rõ có thể chấp. Luận nói khác với ý ấy là ở ngoài bày bàn-đà được làm Pháp sư. Luật chép: “Người không đồng ý chưa ra khỏi giới (nghĩa là ở bốn giới) cho ở ngoài giới mau mau nhóm một chỗ kiết tiểu giới thọ giới”, danh tướng phù hợp nhau cho nên nói rằng không khác. Chữ “tịnh” trở xuống là thứ ba, bày chỗ kiết. Trên rõ khai nhân, chữ “do” trở xuống là giải thích lý do. Huỳnh là xa, xa nên khó đến, trống cho nên dễ thấy, xóm làng trái với đây, không khai có thể hiểu.

Trong không tướng dọc, chánh nghĩa chia làm hai: Trước bày hai giới cần tướng. Chữ “thử” trở xuống chánh rõ ba tiểu giới không lập. Ban đầu y cứ duyên rõ không. Có nạn nghĩa là không đồng ý. Ngăn làm tức đến vỡ, dừng. Chữ “tùy” trở xuống hai câu là ấn định thể lượng.

Khoa kế, trong nghĩa xưa, đó là thọ giới ra khỏi chúng hỏi nạn, vào chúng chánh thọ, quyết ở trong giới cho nên phải lập tướng, còn hai thứ khác không phải như vậy, cho nên chỉ tùy thân. Số dẫn xưa nói rằng: “Và làm tướng thọ giới như chuối bàn ủi”. Trong thị (đúng) hỏi nạn là đúng.

Nay trong phá, ban đầu chia làm hai, ban đầu văn bày ngại, rõ

không thể lập. Chữ “thử” trở xuống là bày đồng, rõ ràng chẳng phải khác. Khoa kế văn dẫn, tức văn nêu duyên trong ba món pháp kiết. Ban đầu tức văn trong thọ giới. Một chỗ ấy, Sớ chép: “Biết không ngoài giới”. Giữa nói rằng: “Tức văn nói giới”. Ông bằng lòng nhóm ấy, Sớ nói rằng: “Biết số người ngoài không giới”. Sau tức văn tự tứ. Đầu ngồi chỗ ấy, Sớ chép: “Biết ngồi ngoài chỗ chẳng phải giới”. Chữ “văn” trở xuống là bày chung. Chỉ cho ở đây, nghĩa là ba văn trên đều y cứ chỗ ngồi.

Trong phần ngăn lạm, dùng văn Tăng-kỳ là chỗ y cứ kia, cho nên phải giải thích. Văn nêu ra thứ tám, kia rõ, Tỳ-kheo phạm dư câu sám hối, do đại giới khó nhóm, hoặc sợ nhẹ tăng, cho nên ra ngoài giới làm. Đến ngoài giới ấy tức chỉ giới tràng do cách giới tự nhiên, nên nói là “ngoài”. Không giới tràng mới ra ngoài giới kiết riêng. Văn nói rằng, tức là pháp kiết kia. Kia nói rằng: “Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho Tăng ở chỗ này...” tức xét đồng với Tăng, v.v... ba câu.

Chữ “thử” trở xuống là quyết phá, câu trên là buông, hai câu dưới là đoạt. Câu trên chỉ loại giới tràng do tên chung. Câu dưới nói chẳng phải ba tiểu giới, vì chẳng phải nạn. Chữ “Tứ Phần” trở xuống là chất kia mê tên.

Trong hành sự, đầu tiên nêu ra chánh nghĩa. Ngoài giới hỏi nạn thọ pháp rõ văn. Tùng tọa là trước sau hai bên thân liền nhau và chẳng phải gọi là vòng tròn khiến giữa trống. Đủ khai ấy, là đủ có thể dung nhau. Sớ chép: “Mười người dung thông khai nạp ở giữa, hẳn nửa thân ấy, nêu một phần để so sánh toàn bộ. Luật Thập Tụng chép: một Tỳ-kheo một chỗ ngồi, đủ bốn chỗ Tăng tác pháp, chứng nay nửa thân liền thành đồng giới. Luật Thiện Kiến chưa rõ văn gì. Đây định nghĩa ấy, Sớ chép: “Hành sự như thế, trong y cứ Phật dạy, ngoài y cứ phạm quả”, tăng có công trao pháp, trước xin không luống nhận. Chữ “tất” trở xuống là thứ hai bài bác bỏ pháp. Trấn là yếm. Sau chỉ nghĩa Sao văn thất lạc, nay thất nghiệp Sớ phá lập rất rõ.

Trong nói tự tứ, ban đầu nói thuyết giới. Ban lãnh đồng thầy, là chẳng phải không đồng ý. Dưới đường là dưới con đường tắt lan-nhã. Khiến gần nhau là phải có không gian, chẳng phải một giới, tự tứ ngồi vòng tròn bày tướng có thể biết. Chữ “thử” trở xuống là song kiết, thông thể quyết bền chắc, chỉ trong pháp kiết vì việc ít có cho nên lược, ấy chẳng có sao. Nay lược dẫn, văn nói giới văn rằng: “Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay có chỗ cho Tỳ-kheo nhóm họp, nếu tăng phải thời mà

đến, tăng bằng lòng cho kết tiểu giới, tác bạch như vậy, yết-ma y cứ mà biết (hai thứ khác duyên tướng như đã dẫn ở trước).

Trong chỉ bày ba món khác, ban đầu nghĩa là một chỗ có ăn không có pháp, một chỗ có pháp không có ăn, đều giải rồi đồng kết, tự tha giúp nhau gọi là hai món pháp, thực đồng giới. Thứ hai nghĩa là cả hai đều có ăn, một chỗ có pháp, gọi là giới pháp khác, ăn đồng (hai giới này và hai món nhân, pháp đồng ở biên, tức là ba món đại giới). Thứ ba, nghĩa là cả hai đều có pháp, một chỗ không có ăn gọi là giới pháp đồng, ăn khác. Chữ “vị” trở xuống là giải thích riêng thứ ba. Ban đầu bày ý khai. Nói giữ gìn là không để cho Tăng chỗ kia tan rã, chùa hoang phế. Bốn phương xướng hòa, là nói lên chẳng phải kết giới mà trước nêu rằng ba món giới là do lợi dưỡng thông nhau, nghĩa đồng một giới. Sau chép: “khai ý kết” cũng đồng đó. Sớ chép: “vốn chẳng phải kết giới, do trước đồng khác cho nên có việc xảy ra. Chữ “mạt” trở xuống là tổn hại nay không làm, đãi là sắp. Chữ “tất” trở xuống là khuyên khiến tôn thờ.

Trong giải, pháp không có giới tràng để giải. Trong kết quy, chữ thính hoặc giữ, hoặc bỏ, tranh luận rần rần, nhưng chẳng phải giềng mối, bỏ đó không khắp, so các yết-ma đều không có lời này, nghi là văn luận truyền chép lầm.

Kế trong giới có tràng, ban đầu bày trước sau. Trái pháp kết trước. Trong giải đại giới, ban đầu rõ hỏi đáp sợ cho là hai giải vọng làm không đáp, cho nên lại y cứ theo chú yết-ma, hai pháp kết giải không được đáp chung, do giải thì ở pháp địa, kết thì nương giới tự nhiên, quyết nương thứ lớp mà giải, người nương giới thực, lý được đáp chung. Chữ “nhược” trở xuống tức chỉ cho giải trước vì chung pháp duyên.

Trong giải giới tràng, bày chỗ giới ấy là vì dứt hành lạm. Trong phần bỏ xưa, nói luật không có ấy là truyền dịch lầm sót. Chữ “cố cựu” trở xuống là dẫn xưa. Sớ chỉ cho Quang Sư, Đàm Đế vốn cũng vậy. Chữ “kim” trở xuống là nói chẳng phải do đại giới trước, nêu hai món đồng giải lập giới tràng vốn chẳng phải nói tự tứ, lại chẳng phải trụ xứ, cho nên trước kết không nêu, sau giải nào được xưng đó. Trong Sớ lại nêu cái thấy khác dùng ba tiểu giới giải, phá rằng: “Ba tiểu giới không có tướng, một tòa tác pháp làm sao giống đó”. “Nay y cứ” trở xuống là hiển chánh, y cứ việc nạn ấy, tức là tiểu giới, nếu vậy cũng thấy khác nào khác gì, kia dùng văn giải pháp, nay y cứ nghĩa dịch tướng, cho nên khác nhau.

Trong tạp tướng, đầu tiên là dẫn Thiện Kiến trước nói chẳng phải

trụ xứ tăng, loại bỏ những thứ khác, trải qua giải ngược. Hoại âm quái, là hủy. Chữ “hoại” là nói chỗ lập giới tràng. như tế đàn ấy, cũng như cung quán tiểu đàn (đàn cúng tế). Chữ “ngũ” trở xuống là chứng ở chỗ trống.

Trong giải ba món tiêu giới, nói đồng trước tức là việc ít có, nay lược nêu ra, Văn chép: “Nay có Tỳ-kheo ở đây nhóm họp giải thích khác, y cứ giáo rõ định cho nên lấy giải trước. Đầu tiên trong cái thấy lập lý, trước rõ lý do pháp khởi, hai pháp tác và vô tác đối đãi nhau, đâu được có tác mà vô tác ư? Thiện hành ấm là năm ấm nhiếp pháp, đây là tạo tác, cho nên thuộc hành ấm. Hành thuộc ba tánh, đây thuộc thiện tánh, hành tức là tâm, tâm động thành nghiệp, cho nên Sở chép: “Chỗ kết ban đầu, chẳng phải tâm không khởi, đại là y báo đâu được không theo, tùy nghiệp lực tâm có pháp nương đất, v.v... chữ “thử” trở xuống rõ khắp chỗ, chữ “phi” trở xuống là bày pháp thể khôn cùng. Đất liền là sắc và phi sắc, ký và vô ký tánh không hợp, cho nên đều đến nhau, ấy là giới, là sắc pháp vì nghiệp riêng sắc khởi.

Trong dẫn chứng, đầu tiên dẫn hai đoạn trước sau. Đoạn trước lại chia làm hai, một giới đầu là chứng trên không nối liền với đất, vì đào bỏ đất cũng không mất. Ở trên đó làm nhà riêng thêm vật ngoài cũng đồng giới.

Nói mé nước là dưới thổ luân có kim luân, dưới kim luân có thủy luân, dưới thủy luân có phong luân, ngoài phong luân là hư không, pháp tột kim luân nên nói là mé nước. Do giới nương chỗ cứng chắc, tướng nước nổi bông bênh chẳng phải vốn trong mong, cho nên ba lớp nhà vả lại nêu một tướng, nhiều tầng cũng vậy. Văn kia chánh là khởi làm lâu ba tầng, thay đổi lời kia. Chữ “nhược” trở xuống là chứng trên thấy đều đến nhau, ban đầu là văn luận trở xuống tức ý dịch của người sao. Câu trên là bày giới thể, nêu tướng hạn cõi là sở đối của mắt, cho nên xen không thông nhau, là chướng ngại, vì vậy giới có hai nghĩa, cho nên nói rằng sắc pháp (có đem chữ Pháp để ở dưới, đọc ngược thành phá câu). Chữ “cố” trở xuống là kế dẫn đoạn sau, cũng rõ xứ hủy mà pháp còn, chứng thành có pháp. Chữ “mé nước” trở xuống là lược biết một câu nơi chốn kia, luận vốn đủ đó, thì rõ chẳng biết không thể tác pháp. Chữ “chuẩn” trở xuống là kết chứng nghĩa trước.

Kế, trong phần chê không có pháp chia làm ba, đầu tiên đưa ra chấp kia. Nghiệp Sở dẫn rằng: “Gọi năng tác là tình, sở vi là phi tình, nào có pháp khởi ai nhận lãnh phiền não, cho nên biết chỉ là y cứ giới chỗ nhóm, vẫn dẫn văn y cứ như Sao đã bày, đây tức năm hiện tiền

trong diệt tránh. Thế nào là Pháp hiện tiền? Chỗ giữ pháp hiện tránh là đây. Thế nào là Tỳ-ni hiện tiền? Tức chỗ giữ Tỳ-ni diệt tránh. Thế nào là nhân hiện tiền? Là nói bàn qua lại. Thế nào là tăng hiện tiền? Là người nên đến đã đến, v.v... giới như Sao đã dẫn, chữ “thủ” trở xuống là điểm giải thích lầm kia. Chữ “tát” trở xuống là dẫn văn chấp vấn phi. Bà Luận, luật Ngũ Phần đều nói về cộng giới, chẳng có người nào đâu chẳng có pháp. Khoa trước, trong lựa chọn dẫn đủ, cho nên lược chỉ. Sau dẫn kinh làm chứng, văn nghĩa càng rõ, như mê đất nghĩa là không tác nghiệp tướng thiên nhãn thấy được. Đàn kinh chép: “Đất kiết giới, tùy hạn kia cõi đến lớp kim cương luân, tuy trải qua kiếp hoại, nhưng vẫn không bao giờ hư”.

Thứ tư, trong nói về phi pháp. Ba câu đầu là bày ý trọng, chỉ thuận trước ấy là văn sau tùy bày. Chữ “vị” trở xuống là bày phi tướng, ban đầu đến kết có ba phi, như khoa trước chọn hỏi đáp đã rõ. Chữ “cập” trở xuống là ba phi. Không nhóm Yết-ma như trong kiết giới tràng ở trước, phương tướng như trong pháp tướng ở trước, cho nên nói rằng “trước nói đủ”. Chữ “tịnh” trở xuống là kết chung, chữ “ngũ” trở xuống là chứng riêng, gồm buộc các phi không đưa ra bốn món, lầm hợp, cách nước, phương tướng cả ba đều là sự phi. Lại kiết là xứ phi, không nhóm là nhân phi, yết-ma là pháp phi.

Trong lỗi bỏ xả quyết y cứ tác ý bỏ đi, sau càng không lại, không một người trụ mới gọi là mất giới. Sớ chép: “Dẫu chẳng tác pháp nghĩa Tăng dứt”, cho nên lại dẫn kinh Văn-thù Vấn rằng: “Thậm chí có một ưu-bà-tắc ngủ đêm ở đó, đó gọi là không mất”.

Trong văn trước dẫn luật Thập Tụng, nói phải tác niệm, cho nên biết chẳng khởi ý niệm thì không mất. Luận Trí Độ hạn tịnh một đêm cho nên biết chưa ngủ lại về đến cũng không mất.

Trong giải thích nạn, ban đầu hỏi, trước dẫn Thiện Kiến, đào đất, mé nước cũng không có tăng ở, đều nói không mất, rõ là trái nhau. Sớ chép: “Thiện Kiến, nước hết sạch, chấp tăng đều tan, há người nước sau đêm lại giữ giới ư?”

Trong phần đáp, ban đầu y cứ tâm xả có hay không và không hề trái. Trong văn đều nói, tức là luật Thập Tụng và Luận Trí Độ. “Tứ Phần” trở xuống là chứng trước không mất vì không có tâm xả, văn nêu ra ở kiên-độ thuốc. Cho nên già lam ấy, rõ là chỗ hoang phế không mất tịnh địa, là rõ biết đại giới vẫn còn. Chữ “hựu” trở xuống, kia nói: “Tỳ-kheo không biết chỗ nào là tịnh địa”. Phật đáp như trong Sao. Chữ “cố” trở xuống một câu là kết rõ hai văn (văn giải nghi, vốn xuất xứ từ

pháp thuốc, người có trí xét kỹ mới biết xưa lắm).

Trong tác pháp xả, nếu y cứ pháp nghi quyết cần thứ lớp xả, trước ăn, kế y, sau xả nhân giới, nếu nói về mất pháp chỉ xả nhân giới, ba món kia liền mất. Sở chép: “Tuy vốn mất, chưa mất mà chẳng chánh thì loạn luân mắc tội”. Nay nói đều xả, lời chung đốn tiệm. Nếu y cứ hành sự thì phải nương pháp tiệm. Năm món trong không mất:

1- Tâm ác: luật nhân có Tỳ-kheo muốn cho người khác được đồ ăn bất tịnh, cho nên giải tịnh địa, Phật nói: không thành. Đại giới không vẫn cho nên nói là “lệ chuẩn”.

2- Nói rằng xen kiết, văn xuất xứ từ luật Thiện Kiến. Kia chỉ rõ kiết, nay y cứ kiết loại giải. Kiết đã thành cả hai, giải cũng không mất, cho nên Sở chép: “Tăng Ni xen giải (xưa chép: kiết quyết trước giải là lắm).

3- Y cứ xả giới cả hai không đầy đủ nhau, cho nên xen kiết chung, giải cũng không thành.

4- Thứ tư có thể biết.

5- Như luật Tứ Phần trị cho nên già-lam nếu y cứ theo nghiệp Sở thì nêu sáu món: Hai món đầu đồng như Sao, thứ ba dị kiến xen kiết, thứ tư tà chánh xen kiết, thứ năm là bên giữa, thứ sáu là hợp bốn vá năm hai món ngày nay.

Trong phần chứng riêng, có hơi khác với văn Luận, nay dẫn đầy đủ. Kia trước hỏi rằng: “Hai chúng kiết giới được kết lẫn nhau chăng?”

Đáp: Được (nghĩa là không cùng làm pháp) được cùng kiết (nghĩa là thọ giới, xuất tội, Tăng mi đồng pháp, Sao đổi lời kia cho nên nói rằng “không được kết nhau”).

Lại hỏi rằng: Đại tăng được kiết giới với Ni chăng?

Đáp: Được

Nay Sao chỗ dẫn hai câu trên tức lời hỏi đáp sau. Một câu dưới tức là lời đáp trước. Sở chép: không kiết nhau, e ra ngoài tăng chẳng thành đồng pháp.

THIÊN GIẢI THÍCH TĂNG VĨNG

Tăng tông sử nhiều như mất lưới, thiên này năm môn như lưới, dùng năm môn này như gỡ lưới kia lên thì các mất lưới đều theo. Từ dụ làm đề để bày chánh yếu, trụ trì nhiếp chúng, bỏ đây làm sao được. Và lại thánh giáo giải bày tôn thờ đó rất dễ, như do nhân phi, tình chánh, nêu đó hoặc nạn có giáo không thì đáng thờ dài.

Trong bày ý, văn ở đầu có bốn đoạn. Bốn câu trước nói phân làm

chủ chúng quyết vâng theo giáo pháp, một phương là nói chung chỗ mở mang truyền bá xa gần. Lập pháp thông là nêu ra sự nương giáo, các phương khác đồng vâng theo vì chiều theo tình riêng không truyền ra ngoài. Hai câu trên nói lập chế phép tắc cho người, hai câu dưới nói gặp việc xử đoán. Chữ “linh” trở xuống bốn câu là thứ hai nói lợi ích gần, nước xa cõi khác lời lập việc có một, hoặc có thể cõi xa, chỉ gần là quận huyện, cõi khác chỉ xa nước khác, như tiếng tăm Tổ sư bay đến Thiên Trúc. Hai câu trên rõ ngoại khóa ảnh hưởng mạnh, hai câu dưới rõ nội hóa ngày càng lợi ích. Kiêu nghĩa là ngẩng lên nhìn, thần tức là tâm, nghiệp tức là hạnh, tâm thần không tướng dạng cho nên an, cảnh cao quý duyên thanh tịnh, hành nghiệp mới tiến bộ. Chữ “nhược” trở xuống là thứ ba nói chúng phải theo hóa. Hai câu trên nói sự đề có thể nêu, hai câu dưới nói người không dám trái. Chữ “khởi” trở xuống là thứ tư bày lợi ích xa. Hai câu trên là tiếp ích gần ở trước, phát khởi văn sau, cho nên nói rằng “đâu dừng”, tức là sạch. Hai câu dưới chánh bày lợi ích xa, đạo cùng hệ đều là chánh pháp của Phật, đạo làm sinh ra và lớn lên, cho nên dụ như cây, tuệ năng phá tối cho nên dụ như mặt trời. Phù sơ là diện mạo tươi tốt, Phương giống như sắp vậy.

Trong bày tổn trái lại bốn nghĩa trước, đầu tiên bốn câu trái với nghĩa đầu ở trước. Nêu ra hằng tình là rõ tự mặc tình. Nói không y cứ là nói chẳng phải giáo. Khoa Phật trở xuống là nói làm việc ác của thế tục. Chữ “Như” trở xuống là chỗ nêu trong môn thứ hai. Chữ “năng” trở xuống hai câu là trái với ba nghĩa khác ở trước. Hay làm sai trái là quyết gồm nhân pháp, nhân là chúng sinh, pháp là phi chế. Lời nói ỏn loạn gồm có ba lỗi: 1- Người không theo hóa. 2- Không có lợi ích gần. 3- Không có lợi ích xa. Chữ “cố” trở xuống là dẫn chứng lỗi nặng diệt pháp và công sâu gánh vác pháp, người học biết vậy thì phải làm thế nào đây? Không gặp Phật ra đời là dự báo đời sau, địa ngục tức là sinh báo. Như tên bắn là nói sự mau chóng kia. Dẫn kinh Tam Thiên là nói tăng quyết nương pháp, đã thiếu đường tốt là vì nhóm ngu. Chữ “cố” trở xuống là y theo văn bày ý.

Trong thiên ý, đầu tiên là nói bỏ phi, trong đây san bổ khác nhau, chương sơ phiền rộng giải, nhưng vì người đời vọng làm phi chế kia, gọi là sót lọt. Chữ “Sử” trở xuống là nói đúng. Chế tức là năm môn sau, pháp sở lập đều khảo cứu ở giáo, nên nói là tương ứng, nghĩa là dụng của sự, đều thích hợp với thời cho nên nói rằng “đều hợp”. Dụng này trong luật Như lai chế giới nói “biết thời hợp nghĩa”, cho nên sau dẫn chứng. Nói tầm tạm ấy là lật quấy làm phải không thể thay đổi ngay.

Chữ nhược trở xuống là chỉ lược, bịnh hoạn tức lỗi phi pháp, làm cho pháp diệt nên nói là tổn giảm, tức năm môn dưới đều nêu ra phi tướng này.

Trong hóa giáo chép: thông đạo tục là lược bày hóa nghi. Chữ “hiển” trở xuống là chế giáo, chỉ cuộc hạn ở đạo. Sau dẫn ba kinh, ban đầu dẫn Đại Tập thông đạo tục trị, Kế trong Thập Luân chỉ nghe đạo tục không chấp nhận tục trị. Sau dẫn kinh Niết-bàn lại rõ đạo tục, sau lại dẫn văn vẫn chung hai chúng, quyết chung đồng khác lại nói ở sau.

Trong kinh Đại Tập, ban đầu nói Quốc Vương buông lung làm ác. Chữ “tất” trở xuống là hiển bày lỗi. Đoạn Tam bảo là che chướng chánh pháp. Đoạt mất chúng sinh là tổn chánh khiến người khác giới thí diệt mất là tổn công đức của mình. Nói vô lượng đời là nêu xa nhiều để so gần ít, thì diệt mất có thể biết. Tu giới, thí, tuệ là lược nêu hai món đầu trong sáu độ. Chữ “bằng” trở xuống là chỉ văn thấy hai mươi tám, chia quyển khác nhau. Kinh ấy chép: “Thà ủng hộ một Tỳ-kheo đúng pháp, chứ không hộ vô lượng các Tỳ-kheo tội ác”, cho đến nói: “Nếu người hộ trì pháp, phải biết người này chính là đại đàn việt của Chư Phật, Thế tôn trong mười phương. Chữ “hựu” trở xuống là nói năm pháp trong văn đạo chúng tự trị. Ba món trên có thể biết.

Không đồng ở là hoặc không đồng tài pháp. Hoặc không đồng trụ xứ. Tẩn xuất là nói theo nước khác, vì ở Tây vực có nhiều nước nhỏ, trong đây châu, quận có thể đồng. Có pháp xứ, khiến cho đồng loại phải nghe, vì khiến sinh hổ thẹn sửa lỗi theo thiện. Chữ “trị” trở xuống là hiển bày lợi ích. Người làm an vui là hiển bày lợi ích. Phật pháp lâu bền là rõ lợi ích về sau, Nghiệp Sở chép: cái gọi là lựa bỏ cỏ kê cỏ đề, làm cho mầm mộng thêm lớn không phải vậy ư? Mười vòng bốn đoạn, hai đoạn trước nêu cái thứ hai, hai đoạn sau nêu cái thứ ba. Lại trước sau đều nêu ra phi tướng liên tục.

Ba câu đầu ở trong đoạn đầu là bày năng giáo không sót một vật (loài). Chữ biếng nhác trở xuống là bày tướng độn căn có bốn: Hai câu đầu là loại lỗi, câu kế là lỗi không nhiếp niệm, “tham” trở xuống là ba câu lỗi không biết đủ, trong bốn việc trụ xứ nhiếp ngọa cụ, ăn uống, thuộc thuốc men. “Xa lìa” trở xuống là nói lỗi buông lung. Chữ như thị trở xuống nói về pháp khởi, xuất gia học đạo vốn phải tu trí, kẻ độn liệt không kham nổi, dùng sự lần dạy dỗ, lại khiến kiếm phước. Sau nêu Tam Bảo, hai thầy, là thắng cảnh sinh phước.

Ba câu đầu trong đoạn hai là bày chỗ trị lỗi. Chữ “vị” trở xuống hai câu là bày rõ tâm năng trị, chữ nhược trở xuống là nêu tướng trị

phạt. Ban đầu rõ thâm răn dè cấm lỗi nhỏ, chữ hựu trở xuống là rõ đỗi, trị phạt tội nhẹ. Ban đầu phạt cần nói, khi chánh phạt thì không cho nói, vì thế bảo là rằng “trộn”. Chữ “diệc” trở xuống là nói đối chứng trị phạt tội nặng. Pháp trị có năm: Ba câu trên ba pháp, trị tội nặng kể, chữ hoặc trở xuống là hai pháp trị lỗi cực nặng. Bốn thể trái đất khác với lễ bái ở trước, nghĩa là thâm mật sát đất, chiết phục nhẫn nhục khiến hổ thẹn. Như cỏ trái đấy mà trị là tướng xin lỗi nhau. Chữ ngã trở xuống là Như lai bày ý lập giáo.

Bốn câu đầu trong đoạn thứ ba là nói trì giới. Chữ trừ trở xuống là nói về phá giới. Phần lớn chia làm hai: Ban đầu trích phạt là khuyên người đời kính hộ. Bốn phương trở xuống là thứ hai nói tài pháp đều mất. Văn ở đầu lại có hai: Trước y cứ khuyến cáo. Phá giới trở xuống là kế y cứ dụ khuyến. Trong phần đầu, hai câu trên là lựa chọn đúng như pháp. Chữ nược trở xuống là nói công năng của người phá, đây nói phá giới quyết y cứ phạt tội nặng. Trời rồng trở xuống là kia nêu đủ Dạ-xoa cho đến người và chẳng phải người, v.v... văn nay chế buộc. Chữ ứng trở xuống là khi người đời cung kính. Mười thứ thẳng tướng: 1/ Nên tướng niệm Phật. 2/ Nên nghĩ thành giới. 3/ Phải khởi tâm thí. 4/ Mềm mỏng ngay thẳng thường thực hành nhẫn nhục. 5/ Không sinh tâm bạo ác, không cuồng loạn. 6- Ưu thích chánh pháp. 7/ Thường ưa chỗ A-lan-nhã vắng vẻ. 8/ Muốn vào thành Niết-bàn vô úy. 9/ Nói lời mềm mại. 10/ Lễ dưới chân. (Sao dẫn một, ba, chín, mười, còn bao nhiêu sáu kinh không nói rõ, cho nên khó hiểu rõ). Hậu trở xuống là bày báo. Thị trở xuống là kết ý.

Kế trong dụ khuyên, ban đầu nêu dụ. Chữ: “ngưu hoàng” trở xuống là kinh nói là trâu này tuy chết người vẫn cố lấy, cũng như con xạ hương chết vẫn dùng được. Lại nói rằng: “Thí như người xưa ra biển cắt đứt mạng sống của vô lượng chúng sinh, móc hai mắt hòa thành thuốc. Nếu người mù cho đến mù bẩm sinh, mà bôi thuốc này vào, thì mắt liền sáng” (người kia tuy chết mà thuốc kia vẫn có công dụng). Lại nói: “ Thí như đốt hương, thể hương tuy hoại mà vẫn xông huân người khác để được thơm. Chữ phá trở xuống là hợp với pháp. Ba câu trên hợp với trâu, con xạ hương, người và thể loại hương. Chữ năng trở xuống là hợp hương thuốc có tác dụng hương thơm huân xông người khác. Chữ “dĩ thị” trở xuống là ý kết.

Trong thứ tư, kinh nói rằng: này người thiện nam, khéo học bốn món căn bản, hủy giới hay trì giới, pháp khí hay chẳng phải pháp khí, tự quán sát chắc chắn, không biết dở kia, vì ngài Ưu-ba-ly thưa hỏi, như

Sao đã dẫn. Trong Phật đáp, hai câu đầu là ngăn người thế tục, chấp nhận người xuất gia. Chữ “phục” trở xuống là chế đạo lừa dối. “Nếu tăng không hòa” câu này y cứ kinh mỗi điều thấu suốt trở xuống: trong mười thiếu hai. Quốc Vương trở xuống là có Bà-la-môn ở trước. Chê ghét người trở xuống là có tâm tức giận quở trách.

Chặng giữa cư sĩ là thứ năm. Phụ nữ, trẻ nhỏ là thứ sáu, chín món đối người nói về phi. Thứ mười tức tự mình phi. Lại trong chín món, bảy món trước là tục chúng, Ni tức đạo chúng. Vốn oán hiền người thì không đạo tục. Chữ như thị trở xuống là rõ năng cử, đã chẳng phạm thì nên chống cự. Chữ hạ trở xuống là nói cử đúng pháp, đồng luật cho nên không nêu ra. Luật ấy chép: “Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi đầy đủ thành tựu năm pháp (tức năm đức), nên đánh lễ tăng nói với Tỳ-kheo tội ác rằng: “Tôi đây nêu tội ông”, đây là thật không dối, là thời chẳng phải phi thời. Tâm từ bi, lời mềm mại là khiến Phật pháp lâu bền (câu dưới tức đồng lợi ích không do tận diệt) nếu cho tôi nói, tôi sẽ đúng như pháp nêu tội ông, v.v...”

Trong kinh Niết-bàn, mỗi món bày tướng ấy, kia thứ ba nói rằng: “Hủy báng chánh pháp và Nhất Xiển-đề, hoặc có sát sinh cho đến tà kiến và cố phạm cấm, v.v...”. Chữ hủy trở xuống là nói ý lập trị. Bảy Yết-ma đồng trở xuống là chế giáo. Phải biết trở xuống là bày lợi ích. Nhược thiện trở xuống là ra lệnh nương đó mà làm.

Trong bày ý của chế giáo, khoa đầu nói theo can ngăn không trị, sửa tội, tích là tội trạng. Thượng phẩm là nói trí có khả năng đổi thành thiện không nhọc pháp trị. Chữ hạ trở xuống là nói kẻ ngu không nhận giáo, sinh khởi lập trị, cho nên biết pháp này chỉ giúp kẻ hạ ngu. Nhưng người chia làm ba phẩm, chỉ bày trên dưới ấy là do tánh người hạng trung tùy dòng không nhất định, có thể là thượng thì cũng có thể nương đạo. Chữ tùy trở xuống là quyết thêm trị phạt, nhiếp thuộc hai căn cho nên không rõ. Thấy bóng: như ngựa hay thấy bóng roi, tức dụ theo lời can ngăn như dòng nước. Trì lư nghĩa là có khéo cũng không tiến, dụ cho dấu trị phạt cũng không hối hận.

Kinh Tạp A-hàm chép: Phật bảo các Tỳ-kheo, có bốn loại ngựa:

Thấy bóng roi liền sợ vội theo ý người cưỡi (ở đây dụ cho bậc thượng căn).

Chạm lông liền có thể như trên (trung căn, có thể là hạ căn)

Roi chạm vào thịt rồi mới sợ (trung căn, có thể là hạ căn)

Đánh thấu xương cốt rồi mới biết (tức dụ cho hạng hạ căn)

Bảy món như sau sẽ nêu, và hai món sau công với bảy thành chín.

Không nói chuyện chung tức mặc tẩn, giúp tên cho rõ.

Trong bài bác bỏ, hai câu đầu là thương tổn thời không làm, chữ nhược trở xuống là thứ hai bác bỏ khinh khi lãng mạ chánh giáo. Bạc nghĩa là khinh người, lạm là quên giáo. Hai tâm bạc, lạm kết nghiệp huân nhóm càng thêm mê mờ, cho nên nói là tự làm dơ, v.v... chữ hữu trở xuống là nói vọng làm phi pháp. Thuần là sửa lỗi. Chữ chí trở xuống là bày tổn. Vọng là lưới giáo đầy lòng tin. Chữ kim trở xuống là thứ ba, bày ý khuyên làm. Vi ngôn tức pháp trị và Phật răn dạy thành thật. Ẩn mà lại hiển cho nên nói rằng “trùng quang”. Có sức nghĩa là đức có công năng quy phục người, chẳng phải là hùng hào ỷ thế lực mà thôi. Trụ trì nghĩa là chí giữ gánh vác giáo pháp, chẳng phải giả mạo trộm ở mà thôi. Than ôi! Người giảng ngày nay sự học chẳng trải qua đi xa chính là dơ bản tâm thường, đối thế đua đòi làm thầy chiếm ngôi, phong hóa bốn việc nhóm đầy luống đến, chạy theo năm tà, thường nhớ bản bởi lợi dưỡng, mấy ai nghĩ việc mở mang Tam Bảo, chỉ biết luống tô vẽ một thân chưa khéo biết luật nghi, đâu thể làm phép tắc cho chúng, lãnh đạo thì ước chừng, vọng lập điều chương, cho nên có phạt gạo, mua hương, đốt áo, đánh gậy, cáng khiến tông tăng lạm trước, Phật hóa trần ai. Đạo do người mở mang, ai gọi gắm ở đây? Than ôi!

Trong bày có thể chẳng, ban đầu nêu bày học pháp, như sau trong chánh gia. Chữ nhược trở xuống là rõ hai trái đều tổn, cho nên biết quyết ở chúng chủ dùng hay bỏ hợp thời mới có thể khỏi lỗi.

Trong pháp trị gồm bày chín thứ, cho nên hai thứ sau ở ngoài bảy món. Bảy món thuốc và bịnh xem chẳng thông nhau, hai thuốc sau gồm bảy bịnh trước, tức yết-ma quả trách rằng: “Phải tăng thêm tội trị”. Ban đầu pháp quả trách nói về Luật. Lúc Phật ở nước Xá-vệ nhân hai Tỳ-kheo Trí Tuệ và Lữ-hê-na tranh cãi làm duyên, cho nên đặt ra pháp này. Trong gồm nêu, là nói chung các chỗ. Chữ tức trở xuống là bốn bộ trước sau bày tướng, nhiều ít xen hợp đến văn cần chọn. Trong Tứ Phần, nếu y cứ theo duyên khởi, chỉ duyên tranh cãi, văn rõ bốn việc vốn nêu ra pháp ngăn ngừa.

Trong chung riêng, hai câu đầu nêu chọn căn đối với đạo chúng, lại chỉ miệng nói, chưa hẳn tâm làm, cho nên thêm phạt này. Chữ vị trở xuống là nêu bày chánh giới, chánh kiến, chánh oai nghi, chánh mạng là giềng mối lớn của Phật pháp, là bốn việc cốt yếu tu hành, đều gọi là chánh, đều lia nghiêng tà. Chánh giới là nền tảng vào đạo, chánh kiến chính là trí tuệ đức ràng buộc, chánh oai nghi thì nhiếp tướng muôn vật, chánh mạng là duyên thành đạo. Nay đều là lúc tâm hoặc loạn điên

đảo. Y cứ lỗi mà nghiêm tình nghi, thêm khổ phạt, một khiến người phạm sửa lỗi, hai khiến sự giao hảo bên ngoài thanh tịnh, ngay thẳng, ý lập giáo đã rõ ở đây.

Hai việc giới và oai nghi nơi bầy tụ phân phối, lại y cứ thô tế theo biệt mà bàn, nếu y cứ vào thông nói bầy thứ đều gọi là giới, cũng gần gọi là nghi. Sáu mươi hai kiến chấp! Y cứ vào năm uẩn, theo uẩn sinh chấp, thì có bốn câu, 1/ Tức sắc là ngã, 2/ Lìa sắc là ngã, 3/ Ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã. 4/ Sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc. Bốn uẩn kia giống ở đây. Một uẩn có bốn, mỗi uẩn có bốn thành hai mươi, cộng thêm hai chấp đoạn thường thành sáu mươi hai. Tà ý là chuyên vì cầu lợi, đến nỗi khiến thân miệng biến hiện không cùng. Lại y cứ vào hỷ là nào phải bốn, năm món trước.

Trong giải thích tà mạng, ban đầu dẫn Luận Trí Độ để giải thích, năm người trước thường làm, thật đức chưa khởi. Bốn người sau nghề nghiệp sinh sống thấp hèn, biện tướng rõ ràng, không nhọc chiều uốn giải thích, mỗ xẻ vắn và nói dài. Chưa là tinh cùng tự xét mình, lìa tà mới gọi là khéo hiểu. Trong thứ năm, đầu tiên là thân xấu, còn bao nhiêu là miệng dơ. Trong bốn món tà, ba món trước là thân, một món sau là miệng và gọi là cầu miệng ăn. Doanh hư nghĩa là mặt trời, mặt trăng khuỵt đây, các ngôi sao vây quanh, Bốn duy là dụ không chánh.

Kế, dẫn luật để giải thích, tức trong giới trộm, tặc tâm lấy vật, mới pháp lộn lạo, hôn hờ cầu tài lợi tức là tà mạng, cho nên ở đây dẫn đó. Trong pháp cử, ban đầu bày phi. Hỏi đáp sai hoặc việc tội khác nhau, hoặc người xấu có khác, thấy nghe tuy thật lại không có y cứ, dẫn chứng có thể biết. Câu sau rõ là mỗi thứ trái với trên.

Trong hợp trị, hai câu trên nêu chung. Chữ dẫn trở xuống là lược nêu không biết bày tướng. Học thánh chế, không nêu ra giáo hạnh, giáo là luật tạng, hạnh là đối trị, tức cảnh đáng học, ngu tối ràng buộc tức là mê đáng bỏ, vắn sau dẫn chứng không biết, nghĩa là trước đây chưa từng nghe. Không thấy nghĩa là không biết, chưa hẳn cần phạm, ngưng không thấy biết cần phải xử trị.

Trong luật Ngũ Phần, phá giới phải trừ thiên đầu, gồm chung các tụ khác, phá kiến thì giống Tứ Phần, một trong năm món ở luật Tăng-kỳ, hai câu đầu là gồm nêu. Chữ thân trở xuống là giải thích riêng, lại có hai: Trước rõ người nam tức ba món lý hợp tìm vắn có thể biết, chữ hựu trở xuống là kế y cứ người nữ, nhưng rõ thói quen nơi thân, lược bày cùng ngỗ. Chữ dư trở xuống là chỉ đồng mắt, cùng món đồ ở trên, tính cũng có ba: Dụ trên có thể hiểu, lửa tức là quả dưa ngược với rau

ở trước. Trong thứ hai, năm chúng tức là năm thiên, vả lại nêu toàn số, y cứ trong đoạn hạnh chỉ rõ bốn thứ sau, nếu phạm thiên đầu thì không nằm trong phép trị này. Trong thứ ba có ba món khác nhau, đầu tiên gọi là ra vào phi thời, chữ dữ trở xuống là thứ hai gọi là gần gũi bất thiện. Kẻ trộm nghĩa là lén lách. Xu bồ là cờ bạc. Hành tại trở xuống là thứ ba, tức đạo đi phi xứ. Trong thứ tư, do ưa tranh cãi lại sinh năm lỗi: Hai lỗi trước là lỗi tâm, hai lỗi sau là lỗi miệng, thứ năm là lỗi thân, tánh đây chỉ cãi vã kiện tụng. Thứ năm trái lại cung kính gần gũi đời phần nhiều, người có hiểu biết nên răn dè.

Như trên dưới kết lỗi nói về phép trị. Trong Liễu Luận vốn không có hai chữ khinh mạn, cho nên biết chỉ là không kính đại chúng, nhưng tính kia giấu lời cho nên giải thích thêm. Trong chọn lạm, chữ giản trở xuống là tẩn xuất (đuổi ra) đối với người tại gia mà nói, trong đủ duyên chánh trị văn ban đầu nói có khác. Trong mười món, bảy món trước và món thứ chín đều đồng, chỉ có món thứ tám và mười các pháp khác đều khác, nhưng nêu trị khám nghiệm pháp sự đặt biệt khó nên nói là khác.

Chữ như trở xuống là bày tướng, đầu tiên chỉ bảy món trước, hỏi đáp ở sau. Chỉ rõ thứ tám bày y cứ, chứng là chứng minh, chánh là thật tội. Chữ ứng trở xuống là rõ pháp nêu ba: Ban đầu trong nêu tội thông rằng: “Phạm tội”, lại khiến chúng biết. Hai, là ức niệm, dùng bốn món thời, xứ, người, tội để khám xét cho nhớ, không chống cự mà tự nói. Ba, cho tội là bày khoa phạm tội khiến chịu trách phạt (quở trách đủ rõ sáu món khác lệ theo giải thích).

Trên dưới nói hòa chúng, ban đầu nói hỏi nghe, vì trước lúc nêu sợ luống lầm lộn. Hòa trên dưới là sợ tình trái. Hỏi việc nêu là sợ chống cự. Luật gọi là cầu thỉnh, tức muốn kia nghe nói, rồi mới nêu tội, đây gọi là năm đức biết thời hợp nghi. Chữ sách trở xuống là giải hòa, ở đây gồm hai duyên hỏi đáp, đủ ở trên là mười.

Trong chánh trợ, bày biết phải sửa. Vì ngăn kính tụng gồm bốn bộ trước đã nêu tướng lỗi, tùy chỗ phạm đưa vào, nên nói rằng “chuẩn sửa”. Chữ ứng trở xuống là nêu ra Yết-ma, trong bạch thêm hai người là vì lỗi đồng, chưa có mà có nghĩa là mới khởi. Đã có không diệt nghĩa là càng thêm.

Trong câu thứ tư, nói quở trách là riêng nêu bốn, lại cãi cộ gây gổ v.v... là dự bày hình phạt sau chứ chẳng phải chánh trợ nay, nghĩa quy về nhiếp duyên.

Trong không thành, thì ba món đầu trái với chánh bày ở trên, pháp

không có chỗ giúp. Chữ hoặc trở xuống bốn món dụng pháp sai. Không phạm đến sau, v.v... sám rồi không bịnh mà thêm thuốc. Không nên sám là thuốc và bịnh không hợp, như ở trước người thế tục lại nói bốn việc, tội cần đũa không nên quở trách, nên nói là không được, còn bao nhiêu đều lệ như trên đây, đều là sự phi.

Không hiện tiền; nghĩa là xa giúp, giới Sở chép: “Người sai pháp đúng”. Chữ cập trở xuống tức người pháp phi, người là riêng chúng, không có pháp tức yết-ma sai sót. Chữ tịnh trở xuống là kết chung chín món trước.

Trong đoạt hạnh, trước thêm yết-ma tiêu biểu chúng đồng trị, chiết phục ngang bướng, chính là giữ đoạt hạnh, xem kia trái hay thuận, cương hay nhu, lấy bỏ lượng theo đây làm chánh yếu. Ở đầu trong phần bày cáo đã là đồng, là răn nhắc khiến nhận chắc chắn. Nói trọn đời e khiến sợ sệt. Quyết có thể đồng là dẫn dụ cho sửa đổi. Ban đầu, trong năm việc thì bốn và năm việc đồng, nhận qua phần khác đã không cho nhận, nào có khác nhau, nhưng tăng đã thêm phép phạt, lý quyết không sai, vì hiển bày hành pháp ở thân không có khả năng dạy chùng, cho nên chế. Thứ hai, trong năm việc, món thứ tư trong luật là dứt tranh cãi, trước đơn bạch chọn người trí, kẻ ngu không dự số trị là đồng. Thứ ba, trong năm việc, việc thứ ba là chế gằn gũ vì trước phải xa lìa, Văn luật trên có chữ ưng. Thứ tư, khiến xa lìa vì ưa thích gằn gũ. Thứ năm là không nên nói lời kỳ dị, tức miệng nói theo dật trong chín mươi giới đơn đọa (Ba-dật-đề).

Hỏi: Trước sau năm món chưa trị được làm có thể gọi là đoạt hạnh. Năm lỗi của thứ ba và ba lỗi trước của thứ tư thời khác đều chế, vốn không được làm sao gọi là Đoạt?

Đáp: Thật nhu lời đã hỏi. Nay mong ngăn dứt chỗ ưa phạm ở trước cũng gọi là Đoạt, nhưng trái với hành pháp cho nên khác thường phạm.

Trong bốn và năm, ban đầu cả hai đều gồm hai tướng, đầu tiên nói rằng: “Tội này” tức là lỗi bị trị, trong chú bao nhiêu tội khác lại nói theo tăng tàn. Chữ đề trở xuống là đối với dụ cũng vậy, nhưng đến tội Đột-cát-la thì không còn dư. Thứ hai, trong chú, tương tự nghĩa là đồng tên tội, từng sinh nghĩa là chủng loại tội. Trong thứ ba, y cứ văn chú giải có thể biết, ở đây trị không đến bốn tội nặng. Thứ tư, y cứ pháp quở trách. Thứ năm, là người quở trách, vốn chẳng là thiên tự mà trong nêu tương tục phạm không rõ lý do, cũng có thể ba món phạm trên là tội, hai món phạm dưới là sự. Năm mươi sáu, hai mươi lăm tìm văn có

thể hiểu. Trong bảy mươi lăm, thứ hai gọi là bình luận pháp lý, chứng minh kia là tội. Trong thứ ba, y cứ luật ngăn pháp, tỳ-kheo biết người khác có phạm, đối tăng nêu bày, không để cho chúng tăng bố-tát chung với người đó, cho nên nói là ngăn, tự tứ cũng vậy, nay đều không được. Năm, là luận lý giáo tướng cũng thật chứng tha (chứng minh cho người kia).

Trong thuận tụng, ban đầu nói người phạm để điều thuận. Chữ ư trở xuống là theo tăng xin giải. Chữ thêm trở xuống là thêm lượng để chấp nhận. Trong pháp giải, lời xin trở xuống là chú hai Tỳ-kheo tức hai người là một, đây vì truyền chép lầm, vì trước sau yết-ma đều nêu hai người.

Trong tạp tướng, chỗ ngồi thì y cứ theo tăng tàn, tức hành biệt trụ (ở riêng). Hạ hạnh, là không tính vào hạ lạp thứ lớp. Trong nhiều ít là y cứ theo tranh cãi nên là đồng tội, tội riêng cũng chung làm pháp chẳng tiện. Không đến bốn, luật chế tăng không được nêu tăng vì sợ riêng chúng phá tăng. Chỉ như trên ấy, tức trong thiên yết-ma giúp người nhiều ít. Thứ hai là tấn xuất, Phật ngự tại nước Ky-Ly-Na, cùng hai Tỳ-kheo là A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa làm nhân duyên ác hạnh dơ nhà người cho nên Phật chế. Yết-ma phạt rồi đuổi ra khỏi giới, cho nên có tên như vậy.

Trong xuất tội, đầu tiên là chỉ chỗ xuất, câu trên là lựa lạm. Chỉ cho bốn việc, cũng tức là pháp ngăn như trước chẳng khác. Cần biết, nói trái ngược bốn việc chung cho bảy chín, chỉ y cứ đối đạo hay đối thế tục, người có tin hay không tin để phân phát. Kế là chỉ tùy giới, tức vốn là duyên khởi của văn Luật nêu rộng, đây không phiên dẫn, cho nên chỉ như sau: Chữ đảo trở xuống là nói về lỗi. Chữ cố trở xuống là nói về trị. Chữ sử trở xuống là bày lợi ích. Chữ thử trở xuống là khuyên nường.

Trong pháp trị, trước gồm chỉ bốn món. Trong chữ pháp trị nghĩa gồm đoạt hạnh, nhưng đoạt hạnh thuận theo các phép trị đều đồng. Ban đầu trị và giải tùy lỗi mà khác. Chữ nhiên trở xuống là lược bày pháp đầu, sau chỉ bốn luật, nay lược trích dẫn. Luật chép: “Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa đây ở nước Ky-ly-na làm hạnh xấu dơ nhà người, mọi người đều thấy nghe, nếu tăng đến thời, tăng bằng lòng cho làm phép đuổi A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa rằng “Thầy đã làm hạnh xấu, dơ nhà người ai cũng thấy nghe, thầy nên rời trụ xứ này mà đi, không nên ở đây nữa, tác bạch như vậy” (yết-ma y cứ theo đây làm pháp, tùy lỗi mà xứng).

Trong phần giải thích cũng ba lần xin, lời xin và pháp giải đồng

một văn trước, chỉ sửa các chữ quở trách thành chữ tấn (đuổi), các phép trị phạt sau cũng vậy. Chỗ đây biết có sau lại không điểm nữa.

Trong câu giải, đầu tiên là nói xin giải, do không vào giới cho nên phải nhờ người đáng tin. Tăng trở xuống là nói về chế ước. Nếu có, v.v... nghĩa là các Tỳ-kheo khác riêng có xin hỏi. Do không đường cùng nói, chỉ khiến thưa thầy (xưa chép: người bị trị chỉ được thưa thầy, sợ dư người thành tùy cử, cho nên y cứ giới số. Tùy cử chỉ cuộc hạn ác kiến hướng chi tùy cử cũng không khai thầy, lầm kia có thể biết).

Thứ ba, là y chỉ; Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Tăng-sô ngu si phạm tội, gần gũi ở chung với người tại gia, do đó chế ra pháp này. Trong phần nêu ra lỗi, đầu tiên nói về đảo loạn, quyết gồm hai chúng mới trị pháp này. Chữ hoặc trở xuống là bốn duyên chánh luật, chỉ khiến thường phạm không y cứ đối người. Chữ tu trở xuống chánh rõ lập pháp vẫn thấy danh nghĩa. Chữ sử trở xuống là rõ lợi ích. Trong gia trị, ban đầu là pháp trị, trong đoạt hạnh luật tác bạch rằng: “Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tăng-sô này ngu si không biết phạm nhiều tội lỗi, gần gũi ở chung với người tại gia, không thuận theo Phật pháp. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng làm yết-ma y chỉ cho Tỳ-kheo Tăng-sô, tác bạch như vậy” (yết-ma y cứ theo mà biết). Chữ dư trở xuống là nói về y người, chữ minh trở xuống là lược bày thuận theo và pháp giải. Chữ Niết-bàn trở xuống là bày tên khác. Chữ dư trở xuống là chỉ hành pháp. Luật ấy chép: “Ngu si không biết thì trọn đời y chỉ”. Luật Thập Tụng chép: “Thọ giới nhiều năm mà không biết năm pháp thì trọn đời y chỉ” (năm pháp là không biết phạm, không phạm, tội nặng, tội nhẹ và không tụng được quảng giới). Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: “Trăm tuổi mà không biết pháp vẫn theo y chỉ người mười tuổi hạ” thiên kia có nói rõ.

Vả lại, lược dẫn bày, trong ngần không đến, lúc ấy Phật ngự tại nước Xá-vệ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đều ngự tại nước Ca-thi, đến trụ tại vườn Ma-lê, Cư sĩ Thất-đa sắm sửa đồ ăn ngon đến mời hai Tôn giả thọ trai. Tỳ-kheo ở lâu trong vườn ấy tên là Thiện Pháp đến thấy sinh tâm ganh ghét, liền nói: “Cư sĩ sắm sửa đồ ăn uống rất tốt, chỉ không có cặn dẫu”. Chất-đa nói: “Thiện Pháp có nhiều căn lực giác ý thiền định chánh thọ quý báu như vậy mà lại nói lời thô bỉ như thế”, liền nói thí dụ: “Như nước không có gà, có người đi buôn đem con gà mái đến, gà mái vì không có gà trống nên giao hợp với quạ sinh ra con, con vật được sinh ra chẳng phải gà cũng không phải quạ nên gọi là ô kê (vừa gà vừa quạ), Thiện Pháp có nhiều căn lực, v.v... quý báu mà nói lời

thô ác như vậy nào khác loài ô kê kia”. Thiện Pháp nói: “Cư sĩ mắng ta, nay ta bỏ đi”, bèn đến chỗ Phật, bị Phật quả trách, cho nên chế ra pháp trị.

Trong phần nêu ra lỗi, ở đây cũng đối với người thế tục, chỉ thêm mắng là khác. Trên nói các lỗi, mắng là lỗi chính. Chữ tu trở xuống là nói lập trị, danh tướng đều hiển bày. Nói tác pháp là bạch rằng: “Đại đức tăng xin lắng nghe! Cư sĩ Thất-đa là đàn việt tin ưa thường hay cúng dường chúng tăng mà lại dùng lời thấp hèn xấu ác nhiếc mắng Tỳ-kheo Thiện Pháp này, nếu tăng phải thời mà đến tăng bằng lòng nay làm yết-ma ngăn không đến nhà người tại gia cho Tỳ-kheo Thiện Pháp, tác bạch như vậy” (yết-ma y cứ theo mà làm), đoạt hạnh đều đồng. Chữ Tăng trở xuống là nêu lỗi, tuy chẳng mắng mà chê bai tổn não vẫn đồng với ở đây.

(tờ 212) Trong phần sót rơi, ban đầu nói về chọn sai. Trong tám pháp, thứ năm nhận lời người ấy là không vọng chống cự. Bấy, là y cứ hạnh nghiệp khác và năng giải. Trong thứ tám, chữ nghị đó bốn luật không theo, nói đơn tác là chính. Chữ tướng trở xuống là nói về sám hối, ban đầu khiến nói. Đàn việt sám hối ấy là gọi đến khiến nhận. Chữ nhược trở xuống là kể dạy quán lượng. Về có đủ, v.v... thì Luật chép: “Nếu không thọ nên đến chỗ mắt thấy tai không nghe, để Tỳ-kheo bị yết-ma cho kia mắt thấy (khiến kia mắt thấy, tâm mềm mỏng nhận sám) tai không nghe (sợ nghe tác pháp) dạy khiến đúng như pháp sám hối. Lại đến nói cư sĩ sám hối, Tỳ-kheo kia trước phạm tội đã sám hối, tội đã trừ, nếu cư sĩ kia nhận thì tốt, không nhận thì phạm tội. Tỳ-kheo nên tự đến sám hối. Chữ nhược tục về sau là bày khai giải, sám rồi kể tục vui mừng, đủ rõ là thuận theo.

Trong gồm chọn, do trước sau bảy pháp tướng lỗi hợp nhau, nên pháp trị thành khác. Y cứ tín hạnh phần lớn chia làm hai, tùy tướng nhỏ nhặt lựa chọn đều khác như văn. Trong bốn món trước, luật đủ số thì thiên trước đủ rõ. Trong ba món sau đồng phạm nặng. Tài pháp mất cho nên dẫn kinh Niết-bàn, ban đầu trình bày chánh ý. Báng pháp, là chung bảy lỗi trước. Hàng phục là đề mục chung của bảy pháp, nêu theo kinh thì nói chung bảy món. Nay đây dẫn đó lại chứng ba việc, chữ hựu trở xuống là nói ý riêng, quả như ở đời sau nhiều ngu si không tin, khinh bỏ thánh giáo, công khai làm ác cho nên lập pháp trị, khiến biết nhân quả quay về chánh tín.

Trong bác bỏ lạm có ba: Ba câu đầu là nêu người, câu trên bày chỗ học, hai câu dưới nói về tâm hạnh. Chưa hợp đạo vì nhiễm theo trần.

Trái lớn nhỏ vì không bấm thọ giáo pháp. Chữ khẩu trở xuống là thứ hai bày lạm, hai câu trên tức rõ học nói, tội phước tánh không, nêu ra hành pháp Phổ Hiền. Dâm dục là đạo nêu ra kinh Vô Hạnh, chính là nói chung Đại thừa chẳng phải chỉ một kinh, vì hiển bày nghiệp tướng đều như huyền, lại chỉ bày nghiệp tánh không thật có, lại chỉ bày nhiệm tịnh đồng một nguồn, lại chỉ bày các pháp chỉ là một tâm, lại khiến chúng sinh đối với các điều ác được giải thoát, chứ chẳng phải khiến ông làm hạnh bất tịnh, nay thân dơ xấu, nương lời này để tô điểm mình, chẳng dùng tánh ngu, thật trái thánh ý. Tức kinh Lăng-nghiêm chép: “Trước dứt tâm dâm, đây gọi là Như lai, Tiên Phật Thế tôn dạy rõ quyết định thanh tịnh là bậc nhất, nếu người không dứt dâm mà tu thiền định thì giống như nấu cát đũa mà muốn thành cơm, trải qua năm ngàn kiếp chỉ gọi là nấu cát”. Lại kinh Phạm Võng chép: “Bồ-tát nên sinh tâm hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sinh, đem tịnh pháp cho người, mà trở lại làm cho mọi người khởi dâm, nhân đến không có tâm từ bi, Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di”, ông cho rằng kinh Lăng-nghiêm, Phạm Võng là Đại thừa ư? Nếu duyên theo lời kia, đây lại nói thế nào? Buồn lắm thay!

Chữ thân trở xuống là rõ tâm hạnh ở trước, câu trên chỉ hạnh, hai câu dưới nói về tâm. Tùy là thuận, nghĩa là rừng rậm ngu sơ theo sự giáo hóa trái đó nghĩa là chẳng phải người trí. Mến xấu rõ ràng cách đạo rất xa. Chữ tinh trở xuống là thứ ba khuyển khích, trị phạt. Trong bất kiến cử, Phật ngự tại nước Câu-diêm-di, Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo khác nói rằng: “Ông phạm tội có thấy chăng?” Đáp rằng “Không thấy”, Tỳ-kheo bị cử tội, Phật do đó quở trách, chế ra lỗi có hai: Ban đầu tức đảo lộn, chữ hoặc trở xuống là rõ lòng tin bị hoại, nhưng làm ác không sợ quả báo đời sau tức là tà kiến, chẳng đồng với đoạn thiện liền bỏ Tam Bảo mà mất giới. Hoặc do trở xuống hai câu là suy nguồn lỗi trên. Chữ Tăng trở xuống là chỉ bày kia chống nghịch, tà kiến ở trong lòng, chẳng phải nói không rõ, cho nên mượn hỏi đáp để nêu bốn duyên. Tăng tức trở xuống là kế gia pháp trị. Ban đầu nói về gia pháp, bạch rằng: “Đại Đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà đây phạm tội, các Tỳ-kheo khác nói rằng “ông phạm tội có thấy chăng?”. Kia đáp “không thấy”, nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng nay làm yết-ma không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà, tác bạch như vậy. (yết-ma y cứ theo đây). Đoạt hạnh v.v... đều đồng.

Chữ vi trở xuống là thứ hai nói về y cử. Vả lại, gọi là quyền lực tạm chọn, diệt tận bỏ hẳn. Chữ cố làm trở xuống là bày danh nghĩa, như vật bị bỏ không còn dùng nữa. Ba pháp trong hành xử đều như vậy

cho nên ở đây gồm bày. Có Tăng xử là khiến hổ thẹn. Sáu không sám cử, cũng do Xiển-đà Tăng hỏi: “Ông có tội nên sám hối”. Đáp rằng: “Không sám”, cho nên chế cử.

Trong phần nêu lỗi, đầu tiên nói tnên sám, câu trên là bày tội nên sám. Khinh tức là diệt, nặng chuyển thành nhẹ, cho nên chép: “Không nhất định”. Từ duyên sinh là giải thích thành lý do không nhất định. Chữ nhi trở xuống là nói không sám, bốn câu trên là bày lỗi. Lạm nói, là dựa vào lời Thánh, cuồng hoặc vô trí chống trái mạng lệnh của tăng. Chữ cấu trở xuống hai câu là bày tổn nặng. Chữ cố trở xuống hai câu là nói về pháp trị, lời câu đồng như trước chỉ sửa các chữ kiến thành chữ sám, còn bao nhiêu không khác chút nào. Chữ kinh trở xuống hiểu tên khác tức Niết-bàn.

Trong câu giải, tăng lượng nghi là lý, phải xét kỹ trở lại, chánh tín không xét, luống dối đầu giải thích cũng không thành.

Thứ bảy, là ác kiến. Bấy giờ, Phật ngự tại nước Xá-Vệ, Tỳ-kheo Lợi-tra sinh ác kiến nói “Tôi biết Phật nói pháp hành dâm dục không phải pháp chướng đạo”, các Tỳ-kheo hét lời can ngăn, Lợi-tra vẫn giữ chặt ác kiến mà nói: “Đây là chân thật, còn bao nhiêu đều là luống dối”, các Tỳ-kheo đến bạch Phật, do đây Phật chế giới.

Trong nêu lỗi, ban đầu rõ tội gốc, do đó liền bày tên gọi. Chữ diệt trở xuống là nói về các lỗi khác. Chữ tu trở xuống là thêm pháp trị. Bạch rằng: “Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Lợi-tra nầy nói rằng: “Hành dâm dục chẳng phải pháp chướng đạo”, nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng làm pháp quả trách can ngăn cho Tỳ-kheo Lợi-tra để bỏ việc này, rằng Tỳ-kheo A-lợi-tra chớ nói lời như vậy, chớ chê bai Thế tôn, chê bai Thế tôn là không tốt, Thế tôn không bao giờ nói như vậy, Phật dùng vô số phương tiện nói hành dâm dục là pháp chướng đạo, nếu phạm dâm dục thì liền chướng đạo, tác bạch như vậy. (yết-ma câu thứ hai giống như trước, rồi lại đến câu thứ tư, tiếp tục thì duyên vốn đều bày, cùng bạch là khác, các pháp về trước đều như vậy).

Trong kết lợi ích, văn ban đầu chia làm ba: Hai câu trên là bày pháp cao quý, hai câu kế là rõ công sâu, câu trên trụ pháp, câu dưới nhiếp Tăng, hai câu sau khen rộng.

Trong trích dẫn chế giáo, tức luật thêm một trong văn gồm có mười câu. Văn Sao từ đầu đến tăng, chữ lai là câu đầu, chữ linh trở xuống chín câu đều lược bày, như nói rằng: “Như lai ra đời vì một nghĩa”, cho nên chế quả trách, v.v... cái gọi là khiến Tăng vui vẻ (cho đến thứ mười đều y cứ theo đây). Thêm thứ hai, chín câu, như nói rằng “Như

lai ra đời vì hai nghĩa” cho nên chế quở trách, v.v... nghĩa là nhiếp thủ tăng khiến tăng vui vẻ (câu thứ hai cũng như trên. Đã nêu rằng: “Nghĩa là khiến tăng vui vẻ, khiến tăng an lạc”, như vậy lần lựa đến thứ mười đều như vậy). Thêm thứ ba là ba nghĩa, cho nên có tám câu, cho đến thêm chín là chín nghĩa, nên có hai câu, thêm mười luật lược bớt không nêu, cộng chung là mười nghĩa thành một câu (Xưa ghi giải lằm cho nên đều dẫn).

Niết-bàn cũng nêu ra thứ ba: đầu tiên chỉ trước nêu sau, chữ hữu trở xuống là chánh trợ chia làm hai: Ban đầu khuyên đạo chúng. Trường là rắn đê, chữ hữu trở xuống là khuyên kẻ đạo người tục, chia làm hai, đầu tiên là khuyên học. Bốn chúng tức Tăng, Ni, cư sĩ nam, và cư sĩ nữ. Sau nói bốn bộ cũng đồng. Chánh pháp, kinh nói là giới, định, tuệ. Chữ nhược trở xuống là thứ hai khuyên khổ trị. Kinh Đại Tập cũng nêu ra phẩm Hộ Pháp, vẫn có hai: Ban đầu nói lợi ích hộ người đứng như pháp. Về bốn họ: giòng họ ở Ấn-độ chỉ có bốn họ: 1- Sát-đế-lợi (giòng vua). 2- Bà-la-môn (tịnh hạnh). 3- Tỳ-xá (thương buôn). 4- Thủ-đà (nông dân). Chữ nhược trở xuống là thứ hai, nói về sự tổn hại theo người khác.

Trong lời hỏi, hai kinh trái nhau cho nên phải hòa hợp. Trong phần đáp, ban đầu cả hai gồm giải thích. Chữ hữu trở xuống là bỏ giải thích trước, cùng tức dạy dỗ. Lụy là chúc lụy. Một đời quy về nên nói là giáo bổn. Quyết trước không rõ cho nên nói là chánh nghĩa. Chữ lưỡng trở xuống là song kết.

Trong trị ác mạng, đầu tiên là bày duyên. Mạc vấn, là không được tự nói. Chữ ngữ trở xuống là chánh trị, chia làm ba: đầu tiên là bày chỗ khác không dung. Chữ như trở xuống là thứ hai, nói ngay chúng đã bỏ, là hợp hòa. Đặc là cái cọc buộc ngựa, trụ trên là nêu dụ. Chữ như trở xuống là hợp pháp. Không thấy tội là ác mạng khó điều phục ở trên. Tất cả đều bỏ là hợp với cọc ở trên đều bỏ. Chữ như thị trở xuống là thứ ba nói trị rồi đuổi ra. Không cầu cho là do kia hung ác quyết không cho, nên ở đây tức cho là im lặng, nhận sự quở trách của tăng vì không từ chối.

Trong mặc tẩn, ban đầu dẫn bày. Phạm đàn, có chỗ nói rằng: “Trước cung Phạm Vương lập một đàn”, Thiên chúng không đứng như pháp, khiến đứng trên đàn, không qua lại nói năng” với các vị trời khác. Trong luật Ngũ Phần, do Xiển-đề xúc não tăng cho nên dùng đây trị. Kế trong Luận Trí Độ, cường quảng nghĩa là tánh thô ác. Chữ dĩ trở xuống là nêu lý do. Ngữ là dùng lời làm vui. Chung cho cõi Sắc

là hạnh Phạm Thiên, nói cố trái nghĩa là ý đặc biệt. Chữ thử trở xuống là khuyên làm. Cũng có, v.v... tức Tăng-kỳ quyển hai mươi bốn, do Ma-ha-la phạm các tội, tuy sám hối vẫn cứ làm, bèn làm yết-ma không nói chuyện với vị ấy. Nay nói rằng tìm bốn chưa được là bày vì có quên sót. Chữ tạp trở xuống là dẫn chứng. Nhu nhuyễn nghĩa là khuyên dụ, ngang bướng tức là trích phạt (thâu chung bảy pháp). Giết là mặc tẩn. Chữ vị trở xuống là nói tướng có ba món. Không nói chuyện với vị ấy tức sự bàn nói hằng ngày. Giáo thọ là y cứ nghiệp học, giáo ước là y cứ lỗi lầm (xưa phối hợp nhu nhuyễn với bốn yết-ma, phối ngang bướng với ba cử để làm rõ).

Hỏi: Hai pháp sau đã không nêu lỗi thì lúc nào dùng?

Đáp: Đây gọi là hung dữ lại phạm tội nặng. Trước yết-ma nói rằng: “Lại thêm trị tội”, và trong tạp A-hàm vẫn là người không điều phục, nghiệm hai pháp này quyết không đơn tác, vì trong không đủ số thì không có người này.

Hỏi: Vậy đồng khác thế nào?

Đáp: Trước phải ra khỏi giới không chế nói khác, sau ở chúng bốn trụ không nói chuyện chung. Nếu luận phạm lỗi thì đồng bảy món trước.

Hỏi: Vậy nặng nhẹ thế nào?

Đáp: Trước nhẹ sau nặng, trước chỉ như bỏ đi, sau dụ như giết luôn.

Hỏi: Hai pháp là thứ lớp dùng ư?

Đáp: Ác mắng trị là luật thêm mặc tẩn, tông khác nêu ra suy xét tình lỗi tùy dùng một pháp trị.

Hỏi: Hai pháp này vì sao không phải đoạt hạnh?

Đáp: Đã là thêm phạt, vì đoạt hạnh ở trước. Trong diệt tẩn, nếu y cứ nêu trước, chỉ nói rằng “bảy, chín” do đồng trích phạt nương đây rõ đó, nhưng trong bốn luật chỉ khiến diệt tẩn, thêm pháp không có văn kết, dịch sơ lại sót, cho nên dẫn bộ khác dùng thành hành sự.

Trong văn gia pháp, nếu y cứ Ngũ Phần thì tác bạch cùng ác ma, lệ đều bốn câu. Nay đều thêm để thành một thể. Văn tựa cái gọi là kiến hành yết-ma, nhận làm tông này, hề thấy thì thấy nghĩa này.

Trong duyên, không cộng trụ là yết-ma và nói giới hai món trong Tăng không nhiếp. Không cộng sự là bất phần lợi dưỡng. Trong phần chọn khác, Đa Luận không lấy tự nói vì chúng đều bỏ. Không hiện tiền là cho từ xa giúp. Chữ nhược trở xuống là y cứ theo Luật để quyết luận. Chữ như trở xuống là chỉ sự, đủ số đã dẫn, ở đây cũng đồng, đại chúng

đồng biết, Phật cũng quở ngăn khiến phải tự nói, cho nên biết không chấp nhận. Lại không hiện, luật cũng không khai. Năm pháp hiện tiền chung cho các yết-ma, nhưng luận chấp nhận, hoặc là hung ác, chúng không thể chế, Thánh Luận đã nêu ra quyết không nói suông.

Trong bác bỏ lạm, tỳ kia lúc pháp luật thành hành mà còn có nhiều, hưởng gì ngày nay đời mạt pháp càng không nói hết. Trong phi pháp đại khoa thứ hai gồm nêu chia làm ba: Hai câu đầu gồm nêu, chữ ẩ trở xuống là thứ hai bày tướng, đầu tiên là nêu các phi trị. Chữ hoặc tác trở xuống là thứ hai rõ ba món phi chế. Trong ban đầu, uống rượu, v.v... là bày lỗi đã phạm, phạt tiền trở xuống là nêu pháp năng trị. Phần lớn chia làm năm món, ban đầu phạt tài vật. Nhận hối lộ cũng là tài bảo biểu cho liền hết. Tuy chẳng phải pháp chế, nhưng do trước đồng hòa không đưa thành nặng, bốn món khác có thể biết. Trọn năm khổ nhọc một câu luôn thuộc vẫn trên làm một món, khai khẩn cày bừa cắt cỏ. Kế bày ba món chế, là đồng loại phép tắc sửa trị chúng viển ngày nay.

Ban đầu trong chế phá giới đã nêu nhiều, tướng và luật đều cấm, trái lập là chế. Cắt cỏ tức phạm đào hoại. Phần ăn của tăng tức trộm của thường trụ mua bán, v.v... tức chứa vật bất tịnh, còn bao nhiêu có thể biết. Tức thiên chúng ngày nay không biết giới tướng, khắp nhóm tăng chúng, lật rau làm đồ ăn, nêu đời thành truyền, tự khoe làm chánh, thì tỳ lậu đây từ lâu, ai là người sửa? Khoa sách nghĩa là tính toàn vợ vét, chứa tức miệng sinh, sản nghĩa là ruộng đất, là ba món trong chế thuận thế tục. Tá là buông tha, vua ở đời khắp tha, Tăng lấy làm chế. Hối lộ được thoát là bất chước theo thế tục chuộc tội hình, nhân lợi cầu lợi là mất ít đạt nhiều.

Trong chế phi pháp cũng có ba, Lộ lập tức khỏa thân, thổi tro là thổi tro bụi. Chữ như thị trở xuống là kết chung thứ ba.

Trong suy giải thích, đầu tiên là bày lý do phi pháp. Trên rõ trái giáo, dưới bày mặt làm ác. Cương duy là Thủ chúng. Chữ chúng sinh trở xuống là thứ hai nói thiện không thêm ác, như sau dẫn tức chỉ cho khoa sau.

Trong dẫn chứng, Tăng-kỳ kể bày ba pháp, đầu tiên nói thiện mạnh ác yếu, cho có thể quở trách. Chữ nhược trở xuống là bày ác mạnh thiện yếu, sức chế không nghe, cho nên khai nói người khác dùng tự khỏi lỗi. Chỉ ba người vì đến bốn thì thành tăng, nghĩa là phải quở trách can ngăn, sợ biệt chúng phá tăng. Không tướng đến ông, là sợ chẳng đồng ý, tự khổ não. Nếu không trở xuống là lại không cho nói cho nên khai tâm niệm. Mắt đối phi pháp ý đã khác nhau gọi là thấy

không muốn.

Kế trong Mẫu luận, nói như trên là chỉ cho đồng với luật Tăng-kỳ, như thiên yết-ma dẫn đủ. Trong quyết phạm, sợ nghi phạt tiền, chẳng phải lý thành phạm tội trộm, cho nên trong phần đáp, ban đầu nói chẳng phải phạm. Chữ phi bất trở xuống là nói có phạm. Phi pháp chế là đều mắc tội Đột-cát-la, vì chế khinh mà nghiệp nặng.

Trong chánh chế, đầu tiên có bốn phần. Chữ yếu bình thanh, nghĩa là chế ước. Lại sau câu trên là lập chế, câu dưới là khuyên nương. Luật Ngũ Phần nói có hai đoạn, trên khai cho trái Phật, dưới khiến phải thuận thời, như quốc chế hiện nay Ni không nương tăng, vay mượn công bằng. Sau dẫn Luận Bà-Sa chuyển giải thích luật Ngũ Phần. Trong Giới Sở giải như cầm vật cấm, lệ ra khỏi cảnh, đây phần nhiều lạm dụng, người học phải phân biệt rõ.

Trong nêu bày, Liễu Luận ban đầu bày chế như pháp. Chữ vi trở xuống là khuyên thuận theo. Chữ hoặc trở xuống là thông kéo dài. Hoặc khi cần là chỉ bày có duyên. Trong kinh Đại Tập sợ bỏ đạo nghiệp chỉ bày có hạn chừng mười vòng như trên. Luật Tăng-kỳ, kia do Phật chế tọa cụ lượng nhỏ, các Tỳ-kheo tranh cãi ồn ào, Xá-lợi-phất làm Thượng tọa bị Phật quở rằng: “Thầy thấy nói vậy sao lại im lặng, nay ta phạt thầy”. Trong ngày đứng, v.v... các luật sau bảy pháp có thể biết. Đoạn thực, v.v... xuất xứ từ Tăng-kỳ, Tăng-kỳ chép: “Nếu Thầy quở trách không nhận phải nói người biết việc (tri sự) đoạn thực (cắt phần ăn)”. Lại nói: “Cho đệ tử y rồi không thể giáo giới để chiết phục, thì đoạt lại, v.v...” rộng như trong phép thầy trò đã dẫn. Trên rõ pháp trị Đại tăng. Chữ trị trở xuống là pháp phạt tiểu chúng. Xấu sống, chạm đồ ăn, đều phạm phi. Chữ tinh trở xuống là tổng kết.

Thứ hai, trong ăn, khoa đầu chia làm hai: đầu tiên bày ý rằng “Đại ngu”, là chúng sinh côi Dục đều dùng thứ ăn để nuôi thân mạng, vì không thể thiếu. Thăm hỏi: Đức Thế Tôn hể thấy đệ tử thì trước hỏi thăm chứng biết việc trọng. Chữ kim trở xuống là thứ hai bày phi, biệt trụ tức gọi là chùa Tăng.

Trong dẫn xưa tức chùa Dụ Sư cáo văn chia làm hai, đầu tiên là nói ý lập chùa. Lại ba món đầu nói về đạo thông. Chữ vi đãi trở xuống là nói về sự thông. Chữ vô trở xuống là giải thích hai thứ thông ở trên. Nhưng trong luật cũng có chủ khách đối đãi nhau. Lại y cứ ở có cũ, có mới nên gượng chia chủ khách. Nếu nói về việc đạo quyết không có kia đây. Tăng lý, nếu y cứ lý hòa tức là chân lý, nếu luận sự hòa là chỉ cho đạo lý, bình đẳng tức hòa. Cho nên sau kế là nói về chế độ ăn

uống. Trước bày nghĩa chung. Như pháp, nghĩa là năm chúng xuất gia thể tướng không thiếu. Đến thời tức giữa trước mà đến. Chử nhiên trở xuống là kế rõ dụng cho. Nhậm đạo: nhậm nghĩa là gánh vác, tức mạng chúng sinh.

Trong khuyên mở lòng, hai câu đầu là nêu trước để bảo, chử chân trở xuống là bày ý để khuyên. Ban đầu rõ bốn chí xuất gia. Bốn oán tức bốn ma, cả bốn đều chướng đạo dụ đó như kẻ thù. Sáu thân là cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Tục hư vọng tức là bốn loại ở trên. Đạo chân thật là quả Niết-bàn. Chử thị trở xuống là chánh khuyên.

Trong trách kỵ hẹp, ban đầu bày ý chung. Chử nhi trở xuống là quả trách. Chử minh trở xuống là trái việc gốc. Chử xuất trở xuống là trái đạo gốc.

Trong bày tổn có ba: đầu tiên suy cuộc hạn thấy giữ gìn thân mạng, tâm không kính mến xa. Sau thứ hai là bày tổn hại, bốn câu trên là tự mình tổn. Chử truyền trở xuống tức lầm người khác, xin rõ các lỗi thương tổn rất sâu, nghe mà không làm vì chưa xét ý gì. Hậu sinh nghĩa là học tập theo không cùng, nên nói là xa. Chử cải trở xuống là thứ ba, răn dè khuyên can.

Trong phần giải thích cạn, việc Tăng tức đồ ăn. Trong phần đáp không cùng, bốn câu đầu quả trách, chẳng hỏi việc vụn vặt. Chử phu trở xuống là bày ruộng phước. Bốn bối nghĩa là trời, người, rồng và quỷ, tức chủ năng thí. Tam Bảo tức cảnh được thí. Chử du trở xuống là lược nêu bốn vật để dụ cho vô tận. Trời đất sinh trưởng dụ cho nuôi nấng bốn loài liên tục không dứt. Núi sông thọ dụng dụ như ruộng phước Tam Bảo ra vào không cùng.

Trong dẫn chứng, ban đầu dẫn văn kinh. Hành đạo, đạo là pháp định, tuệ; hành là giới luật. Sợi lông trắng của Phật có trăm ngàn ức phần phước, giảm một phần cho Xá-lợi và các đệ tử. Chử do trở xuống là y cứ theo kinh bày khuyên. Trong nêu việc hiện tại, chử thừa nghĩa là chính thân truyền nghe, việc tương tự ngược nghĩa thật đúng. Nói là khách, nghĩa là vì đãi khách nên đến đổi nghèo cùng.

Trong chẳng phải trí biện, câu đầu là lãnh trên. Chử nhân trở xuống là bác bỏ đến hỏi. Ban đầu nêu hỏi trách phi, chử nhược trở xuống là thuận tính rõ cuộc hạn, đã là người ngu thì sức không chung cùng, tâm này liền bị cuộc hạn nơi nhỏ nhất, sự quyết không đủ. Kia nói không trông cho nên nói là đầy.

Trong nói về hoặc, đầu tiên là lý do sở hoặc, chử nhiên trở xuống là rõ ý không thiếu. Trong Chú, dẫn việc đời để khuyên, ban đầu nêu

việc, chữ diệc trở xuống một câu là nêu ra Luận Ngữ (kia nói rằng: “Nghĩa song sau lấy người không nhằm thủ kia” là rõ đây nghĩa ăn, việc đã đúng nghi, người cũng ưa thí cho nên không hết). Chữ thử trở xuống là chánh khuyên, ban đầu chỉ việc trước để dụ. Chữ thả trở xuống là dẫn lẽ ở đời để dụ, cũng là văn Luận Ngữ (Sách ấy nói rằng: Quân tử cầu đạo không cầu ăn). Chữ dư trở xuống là than thời lại răn nhắc, tích là chứa nhiều, Sự là ăn uống.

Trong rõ dùng cho, khoa đầu tiên nói rằng: “một không cho ấy, nghĩa là không dùng phi, quyết có thể nương pháp như sau thì cho”. Khoa kế, trong phần nói về lợi ích, đầu tiên nói về khéo dùng. Chú rằng: “Chẳng sinh ưa do nhậm tình, chẳng sinh ghét do nương pháp”. Chữ thị trở xuống là kết lợi ích.

Trong phần nói về tổn, ban đầu nói chẳng dùng. Chữ linh trở xuống là bày lỗi. Ban đầu nói về mất lợi, sau khiến các trở xuống là nói về đọa khổ. Đạo tục phần: Đạo tu trí phần làm ruộng phước cho tục, tục tu phước phần phải cúng dường đạo chúng. Nay thì trái ngược cho nên nói là không biết. Hủy Ba qui y là mất tín tâm kia, xâm lấn Tam Bảo, chữ trị trở xuống là kết tổn.

Trong chỉ lược, tùy tướng tức giới trộm, giặc và không tin, đều khai cho ăn. Phải nghi, nghĩa là so lường, kế dẫn lời Thánh. Trong tác tướng, văn Đa Luận chia làm hai: Ban đầu nói về chế pháp, ba câu trước chế phải làm, Tăng-kỳ: Hán dịch là “Đại chúng” tức thức ăn của thường trụ, trong chú bốn tướng, đồng với đồ thổi, đánh trống, xướng lệnh. Chữ nhiên trở xuống là chế cần định, do chuông trống nhóm tăng thất thường không chuẩn mực, đến đổi có được mất, cho nên chẳng phải pháp tăng. Chữ nhược trở xuống nói về lỗi không làm. Trộm Tăng-kỳ là nói hai món thường trụ di-lan khác, như trong giới trộm. Chữ hựu trở xuống là thứ hai, nói về khỏi lỗi. Ban đầu nói đồng giới có đến không? Văn chú y cứ trên chế định để quyết thời vụ. Nếu đại giới, v.v... trở xuống là nói nhiều chỗ xen làm. Luật Thiện Kiến đại lược đồng như trước.

Trong tạo nhận, Đa Luận đoạn trước rõ tạo, đầu tiên nói rõ giới hạn thường, mau nêu một học để bày tướng kia, mười đầu là một học, nay gọi là một thạch. Nếu bớt trở xuống là nói thêm bớt. Hai, là kết tội trộm đều y cứ biết việc. Chữ ký trở xuống là nói người nhiều ít, nhiều thì chia đều, ít thì để lại. Chú quyết văn luận, nhiều quyết không. Kế nếu... trở xuống là nói nhận cần đồng đều không được quá phần, sau dẫn luật luận ý cũng đồng. Trong luận ăn riêng là luận kia y cứ chúng tăng cho riêng, cho nên nhẹ. Không bình đòi ăn là xếp vào khoa trộm

lại gồm cả nói dối, lý mắc hai tội. Chữ dư trở xuống là chỉ cho kinh, kia nói “Thời Phật Ca-diếp, có Tỳ-kheo làm Thượng tọa tăng mà không biết thiền tụng, không hiểu giới luật, ăn no ngủ say, chỉ bàn nói những lời vô ích, ai cúng món ăn ngon thì ăn uống trước chúng tăng, do nhân duyên này đọa vào địa ngục làm cục thịt lớn bị lửa đốt, chịu khổ đến nay chưa dứt”, kinh kia việc rộng người cần phải tìm đó. Các chúng ngày nay phần nhiều có lỗi này, tuy truyền dạy Kinh luật mà không biết nhân quả, riêng sửa soạn đồ ăn ngon lạ, ăn riêng với chúng, buông lung tâm tham, xâm tổn của thường trụ, đâu nghĩ rằng trái lời Phật dạy, thương tổn tình cảm chúng tăng, được chút ít ngon béo trong chốc lát lại chịu khổ sở trong đêm dài. Than ôi! Keo kiệt bủn xỉn biết phục tâm nào.

Trong nghĩa quyết, phá giới chỉ là y cứ bốn tội nặng, tài pháp không có phần. Tội tăng tàn trở xuống đều không thể khác. Sau trong chín mươi đơn đọa, luận biệt chúng là y cứ thí chủ cho ăn, nên phạm tội Ba-dật-đề, ở đây rõ thường trụ, riêng khác thành tội nặng, thiếu kia tự chia thành trộm tổn. Bố thí ngoại đọa thì không tự tay cho, vì trong Ba-dật-đề cấm. Tứ là hầu hạ.

Trong Tăng kế, ban đầu bày phi pháp, gián nghĩa là lựa bỏ, tức sau kết phạm. Ba câu trên kết chúng sinh, hai câu dưới kết hợp chúng. Chữ hựu trở xuống là rõ lỗi. Không gọi chỗ tăng vì đồng nhà thế tục.

Trong trụ xứ chia làm hai: Ban đầu đến biển đức là nói Pháp sư đúng pháp. Trước rõ trụ xứ, năm người có thể được ở biên quốc thọ giới gốc của giữ gìn cho nên nêu riêng. Chữ minh trở xuống là rõ đãi khách. Chữ sơ trở xuống là nói tu nghiệp. Chữ nhược trở xuống là kế nói che lấp phá giới. Chữ như trở xuống là chỉ rộng. Nay ở quyển 28 nói trong Chiêm Đãi nêu sáu hạng người: Người chỉ tùy tướng, sau dẫn luật Thập Tụng là cung cấp cho vua quan. Dùng mười chín tiền không cần bạch tăng, lại đòi bạch tăng. Người làm, lượng công mà cho tiền. Người giặc có tùy thời toan tính phác thảo (bốn hạng người trên xuất xứ trong luật Thập Tụng). Người thế tục, Ngũ Phần nói là người lòng dạ bối rối không tin, đồ tốt cho ăn, kẻ tin hiểu biết nói ăn khó tiêu, v.v... Người thanh tịnh, Luật Thiện Kiến chia xét trên dưới, phải xét cho ăn, sai khiến lâu dài phải thường cho cơm áo. Tóm lại lược dẫn đều rộng như sau.

Trong y cứ pháp, đầu tiên nói rằng: “Riêng làm Yết-ma, nghĩa làm sám tội, thọ nhật v.v... Trong nêu tội, ban đầu nói đến cử, đã bảo với người thì gọi là phạm. Chữ tiên trở xuống là rõ khám nghiệm không nêu ra ba món: một căn, hai xứ, ba tội. Căn và xứ nêu thấy để hỏi; Nghe,

nghe chỗ y cứ đồng. Trong tội văn lược tà mạng. Chử như trở xuống là nói đến đáp. Trước rõ năng đáp nương làm, người có trí là chúng chủ. Chử nhược bất trở xuống là nói vọng nêu trị ngược, nêu tội nặng trị tội tăng tàn, nêu tăng tàn trị Ba-dật-đề, nêu Ba-dật-đề trị Đột-cát-la, nên nói là y pháp. Sau trong dẫn chứng các tội khác là bốn tội nặng, đây gọi là thật phạm nhưng không y cứ, cho nên tức phạm bằng tội. Không thành ngăn, nghĩa là hay nêu bốn ý vì ngăn người khác nói tự tứ. Chử văn diệt trở xuống là dùng nghĩa quyết văn, nghĩa là đối đáp tuy sai, tình cho thật giả, thành ra chằm chước, chưa thể một bề thống nhất.

Trong đến thời, ban đầu nêu việc răn dè cẩn thận. Chỗ làm nặng ấy như thiên trước gọi là cứu chúng sinh mê nặng nhiều kiếp sâu xa ra khỏi ba cõi.

Chử ám trở xuống là bày thời tiết tác pháp, trước nói giữa đêm là phi pháp. Nói đối tiết là đứng ngồi sai trái. Kỳ là kính. Chử sự trở xuống là khuyên sớm làm. Nói không dễ nghĩa là việc quan trọng. Trong đối người, pháp Thượng tọa, chỉ Tăng-kỳ như trong nói giới có dẫn.

Trong cuồng si, đầu tiên là nêu chung ba phẩm, thứ nhất là trung phẩm, thứ hai là thượng phẩm, thứ ba là hạ phẩm. Thập Tụng trở xuống ba luật riêng bày trung phẩm. Sau chỉ cho Yết-ma ấy, luật nhân Tỳ-kheo Na-Na-Do tâm loạn cuồng si cho nên chế, bạch rằng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến, hoặc không mà đến. Nếu Tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng làm yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo Na-na-do này hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến, khi tăng làm Yết-ma nói giới, tác bạch như vậy (yết-ma y cứ theo đây mà làm). Bốn đối xử rõ chừng.

Trong oai nghi, đầu tiên là bày tổn ích, Thập Tụng trở xuống là dẫn văn làm chứng. Trong Già luận đều rõ Thượng tọa là phép tắc của chúng, ban đầu xem oai nghi nầy là chánh. Chử dụng trở xuống là hành thực, v.v... nhân đó mà dẫn. Tăng-bạt là tiếng Phạm, tức trên xướng pháp ăn bình đẳng. Trong thiên mời thỉnh cũng đồng dẫn ở đây, tức là đồng cúng. Thập Tụng trở xuống là chỉ đồng.

Trong pháp xử chúng, ban đầu dẫn luận bày pháp Hiền, Thánh tức chúng đệ tử. Chử chuẩn trở xuống là y cứ luận răn dè lỗi. Bất đắc trở xuống là nói trái với pháp trên. Chử hựu trở xuống là trái với sự im lặng ở trên.

Trong trang sức, khoa đầu chia làm hai: Hai câu trên là nêu chung, chử Tát trở xuống là giải thích riêng. Trước rõ cắt gọt, đầu tiên Đa Luận

nói về chế, trái thì có tội. Kế dẫn luật Tứ Phần, thời hạn không được lại quá. Thứ ba là dẫn kinh Niết-bàn để nói về lỗi. Đầu, tóc, móng, râu, có chỗ nói rằng: Nói trái lại nên nói là đầu tóc, râu, móng, hoặc có thể chọn các thứ lông khác, nên nói là đầu tóc, tức vẫn nói rằng “lông mặt”. Thiện Tạt nói móng tay dài nhất là bằng hạt lúa thì nên cắt. Kinh chép: “Đây là tướng phá giới”, cho nên nói là “Phật quở”.

Chữ sở trở xuống là kế rõ chấp dùng, bày như tướng phi, ở văn sẽ hiểu. Sau chỉ giày, guốc như bình bát, cũng thấy trong thiên Hai y.

Khoa kế, ban đầu nói năm pháp nhập chúng: 1- Tu tâm thương xót chúng sinh. 2- Khiêm hạ tự nhún mình. 3- Như Sao đã dẫn. 4- Nói giới pháp ngữ. 5- Thấy lỗi thầm sửa. Thập Tụng trở xuống, đầu tiên nói rời khỏi chỗ ngồi, kế nói vào nhà. Ban đầu thường tướng pháp, kế đó pháp ra vào. Văn nói đông tây nêu đủ, lại y cứ cửa nhà phía Nam, mà nói lời cốt yếu. Nhưng khiến ra vào trước nêu bên gót gạch cửa thì chung các chỗ khác, không cần phải Đông Tây. Nếu muốn, v.v... trở xuống là bày cách ngồi. Trong chấp dùng lìa dục, ban đầu nói áo quần kẻ tục, tập là loại quần, bào là loại áo, cừu là áo da, công là giày. Chữ đồng trở xuống là nói đồ thế tục, bát ngói thế xếp vào phi, hoặc vì sắc lượng không đúng như pháp (bổn viết hoặc không có chữ Ngõa). Chữ liễn xưa mệt mỗi ngược với chữ du khứ thỉnh. Chữ tinh trở xuống là nói trái giáo. Chữ thiện trở xuống là dẫn chứng, đương giống như vậy. Vô tội, y cứ hoại vật người khác vốn là lấy trộm, vì tâm hộ pháp khai là không phạm.

Đến chỗ rõ dụng, khoa đầu dẫn bài cáo của chùa. Trước bày lỗi để răn nhắc. Kinh là Niết-bàn phẩm ba mươi một chép: “Tuy không cùng hợp với người nữ chế điều cười đùa, ở ngoài vách xa nghe các tiếng vòng xuyên anh lạc của người nữ kêu sinh tâm ái trước, Bồ-tát như vậy hủy phá tịnh giới làm ô nhục phạm hạnh”. Chữ Tăng trở xuống là dẫn chứng. Chữ tử trở xuống là lúc bác bỏ, đầu tiên bày tăng ở chùa. Lưu uest nghĩa là chứa người nữ. Bồ tịnh là trừ tịnh nhân, anh là tận. Chữ kim thời trở xuống là người ngu phần nhiều nhân kim, chỉ, bước đến nhà dâm vởi lấy sự chê bai của người đời, hoặc ở tăng phường lồi kéo nhiều ngày, lấy cho không giữ gìn sự xúc chạm, nói cười không dè dặt lời thô, nhiệm ý lén nhìn, niệm niệm kết nặng, ngồi đứng lâu ở lều quán, mỗi việc đều mắc tội Ba-dật-đề, hiện đời bị phép phạt của thế gian, lìa hẳn ca-sa, đời sau chịu khổ trong ngục Nê-lê, bị thiêu nấu rất khó kham nổi, nên vâng theo lời Phật mới bảo đảm được lúc qua đời. Chữ câu đồng với ràng buộc, nghĩa là như cầm tù. Sau rõ chùa Ni đối ngược trong tăng.

Trong khoa kế, ban đầu bày lỗi không kết. Khố tàng là kho vựa,

trong văn nói hai lần, tịnh tức là tịnh địa. Đạo tục lạt là không có chỗ riêng. Tịnh uế lẫn lộn là không phân biệt được chỗ ngủ và chỗ nấu, phạm hay không phạm. Chữ lập trở xuống là kế trách không biết. Nói chột nghe là hoặc người biết pháp ra lệnh sai làm. Hoặc tai là nghe không hiểu. Kinh tâm nghĩa là mới lập. Chữ khởi trở xuống là suy lỗi. Tịnh trụ là tên khác của già lam.

Trong thứ ba, ban đầu nói về lỗi. Bật là dụng cụ của xe ngựa (nghĩa là yên cương, v.v...), cương là dây cương ngựa, bán là cái cùm để buộc ngựa. Quyện là vòng mũi trâu, quyết là cọc buộc trâu ngựa. Chữ tạp trở xuống là dẫn bày. Lưu trú là nghiệp ác cùng khắp. Tương tục là niệm niệm tăng thêm. Sở dĩ như vậy, là do kia tâm hại chẳng phải chỉ một cảnh. Lại không thời hạn cho nên khéo sinh thành. Bàn mất giới lành là thế ác quá mạnh. Chữ kim trở xuống là y cứ bác bỏ, cư dụ như hợp. Nói đồng súc, là hoặc chúng chủ tự làm, tâm cả chúng không muốn, nghĩa không bao gồm chúng. Nói không giới là nghiệp ác thuận hoặc, thế lực mạnh mẽ tất cả giới lành đều dứt sự nối nhau, cho nên có người nói rằng: “Lại là một loại chuộc, giới thượng thiện không tiếp tục được”, chẳng phải gọi là các giới khác đều không. Lại nói rằng “Đây chính là răn dạy siêng năng rất tha thiết”.

Trong thứ tư, ban đầu bày phi pháp. Cứ là cao ngạo. Nói y thời là các thời như pháp thực, v.v... Chữ tự trở xuống là bày chỗ tổn. Chữ tịnh trở xuống là suy nguồn lỗi.

Trong phần xem xét nói giới, đầu tiên là nói chỉ trao. Chữ Minh trở xuống là dạy khuyên dẫn dắt.

Thứ năm trong tạp giáo thọ hay can ngăn, ban đầu dẫn bàn năm pháp. Tự có lỗi lầm không chịu nghe người can ngăn. Chữ tất trở xuống là kia chấp nhận, thì không trái cãi. Chữ thử trở xuống là chánh bày can ngăn. Can ngăn các lỗi, trong đó có hai: Ban đầu can ngăn ở chỗ vắng. Lời can ngăn lại có ba: Ban đầu là phiếm dụ, chữ kim trở xuống là chánh bày, chữ dục trở xuống là bày ý. Chữ tất trở xuống là kế nói đối chúng can ngăn mắc tội ấy, trái giáo phạm Đột-cát-la.

Trong can ngăn trái chế, ban đầu là khuyên chung. Dẫn là trì, rõ tuy là người chế nhưng Phật dạy giữ gìn cho nên không thể trái. Chữ kim trở xuống là thứ hai chánh bày. Nhìn người xét mình cho nên nói là xem xét giới, lược bày phép tắc, còn bao nhiêu mặc tình gặp thời chế cho nên bày, v.v...

Trong căn ngăn sáu tụ, ở đây có gì khác với can ngăn ban đầu?

Đáp: Trước ở trong chúng phù phiếm, tâm tánh thô bạo chưa điều

phục, chỉ nói là có lỗi, không nói ở tội nào.

Trong văn đầu dụ chung, chữ kiến trở xuống là thứ hai, xét phạm khuyên sám hối. Trái lời trên ấy, một thấy phạm, hai phạm rồi năng sám. Chú khiến dẫn kinh ấy, kia nói rằng: “Chớ cho là tội nhỏ mà không có tai ương, giọt nước dầu nhỏ lần đây chum lớn”. Các kinh khác chưa rõ văn gì.

Trong năm món bất thiện: một, là đoạn rồi sinh thiện. Hai, tức khởi chưa sinh ác. Ba, là trái giáo. Bốn, là chướng đạo. Năm, là quả báo đời sau.

Trong can ngăn đem phạt, ban đầu dùng đức tăng để khuyên. Chữ lại nói trở xuống là dùng trị nêu để khuyên. Chữ lại không trở xuống là dùng đoạt hạnh khuyên, các văn khác có thể biết.

Trong phần nói về nhiếp chúng, ban đầu nói lợi ích. Chữ khiên giống như dẫn, khóa là tội. Dẫn mà chỉ huy đó là nói dẫn dắt khuyên dụ không một mỗi khiến chúng được lợi ích. Chữ tất trở xuống là bày tổn, ban đầu chánh chỉ bày. Tuổi tuy già mà đối với pháp không biết thì giống như người nhỏ tuổi. Chữ cố trở xuống là dẫn chứng. Trong lu-ật, đồ chúng của A-nan làm phi pháp bị Ca-diếp quở. Các dục mất ấy, thậm dụ như hư hoại. Ông là người tuổi nhỏ là mạng A-nan. Chữ Câu trở xuống hai câu là bác bỏ buông lung. Chữ sơ trở xuống hai câu là bác bỏ biếng nhác. Chữ biến trở xuống hai câu là bác bỏ đối ăn của tín thí, cho nên nói phá “cố”. Lại giải “cố” tức là huấn thiện, nói hoại tâm tịnh tín của người (Luận ngữ chép: “Ba năm học không đến nơi cố” chú giải rằng Cố là thiện, tức là khéo). Chữ dĩ trở xuống là y cứ văn trước răn dè. Nói biết pháp tướng ấy, là vì học rộng, nếu y cứ Phật đối với A-nan dụ như người học. (tờ 126). Nay nói vô là nói theo sau. Tự khinh nghĩa là không cho nhiếp chúng là quan trọng.

Trong phần chọn người, ban đầu là nêu. Chữ Tu trở xuống sáu câu là nêu năm đức: 1/ Hạnh trong sạch. 2/ Chí bền. 3/ Học rộng (giữa hai câu). 4/ Hiểu cao. 5/ Trí sâu. Chữ khả trở xuống hai câu là bày có công năng kham lãnh. Ngày nay mờ mịt xấu xa không có một đức, liền ở đầu hàng tăng ngu si, cùng nhau làm việc phi pháp, chỉ mưu cầu lợi dưỡng, còn bao nhiêu đều không hiểu biết, đáng thương xót thay.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký Quyển thượng,
phần hai xong.

